

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2019

Số: 108/TB-HĐTDCCTCTK

THÔNG BÁO

**Danh sách thí sinh đủ điều kiện và không đủ điều kiện
dự tuyển công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê**

Căn cứ hồ sơ thí sinh đăng ký dự tuyển và điều kiện, tiêu chuẩn của vị trí tuyển dụng, ngạch công chức dự tuyển theo quy định tại Thông báo số 23/TB-BKHĐT ngày 03/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tuyển dụng công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê; căn cứ Quyết định số 1028 /QĐ-BKHĐT ngày 10/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện và không đủ điều kiện dự tuyển công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê, Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê (viết gọn là Hội đồng) thông báo:

1. Danh sách 1425 thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê (Phụ lục 1 đính kèm); Danh sách 64 thí sinh không đủ điều kiện dự thi tuyển công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê (Phụ lục 2 đính kèm); Danh sách 17 thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê (Phụ lục 3 đính kèm).

2. Thí sinh có tên trong danh sách không đủ điều kiện dự thi tuyển công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê đến nơi thí sinh đã nộp hồ sơ để nhận lại lệ phí dự tuyển.

3. Thời gian thi dự kiến tháng 8/2019. Lịch thi và địa điểm thi chính thức sẽ được Hội đồng thông báo trước ngày tổ chức thi 15 ngày trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ <https://www.gso.gov.vn>.

4. Thời gian phỏng vấn Vòng 2 đối với thí sinh đăng ký xét tuyển dự kiến cùng với thời gian thi tuyển Vòng 2. Lịch phỏng vấn và địa điểm phỏng vấn chính thức sẽ được Hội đồng thông báo sau khi có kết quả thi tuyển, xét tuyển Vòng 1 trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ <https://www.gso.gov.vn>.

5. Mọi thắc mắc liên quan đến các danh sách, nhầm lẫn về tên tuổi, năm sinh, giới tính, đối tượng ưu tiên, vị trí dự tuyển (nếu có) đề nghị liên hệ Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thống kê, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội, điện thoại 024.73046666 máy lẻ 5010, di động 0946780468 chậm nhất ngày 17/7/2019. Sau thời gian này, Hội đồng sẽ tổ chức tuyển dụng theo quy định đối với thí sinh đủ điều kiện theo danh sách trên.

Hội đồng thông báo để thí sinh biết, thực hiện./. *vt*

Nơi nhận:

- Ban Giám sát;
- Website TCTK (để đăng tin);
- Thành viên HĐTDCCTCTK;
- Cục TK có tên tại Phụ lục;
- Lưu VT, HĐTDCCTCTK.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



**TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ
Nguyễn Bích Lâm**

DANH SÁCH THI SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2019 CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ

(Kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-BKHĐT ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1	Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	TK kinh tế	Nguyễn Văn Minh	Nam	12/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
2	Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	TK kinh tế	Trần Thanh Hà	Nữ	11/4/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
3	Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	TK kinh tế	Ngô Thị Hằng	Nữ	14/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
4	Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	TK kinh tế	Vũ Thị Bích Hoàn	Nữ	12/2/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
5	Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	TK kinh tế	Bùi Huy Hoàng	Nam	29/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
6	Hà Nội	Huyện Gia Lâm	TK kinh tế	Nguyễn Hải Đăng	Nam	25/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con bệnh binh
7	Hà Nội	Huyện Gia Lâm	TK kinh tế	Nguyễn Ngọc Hưng	Nam	15/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
8	Hà Nội	Huyện Gia Lâm	TK kinh tế	Vũ Bằng Thương	Nữ	11/6/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
9	Hà Nội	Huyện Gia Lâm	TK kinh tế	Trần Minh Đức	Nam	25/12/1991	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
10	Hà Nội	Huyện Gia Lâm	TK kinh tế	Hoàng Thu Trang	Nữ	22/8/1991	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ	Miễn	Tốt nghiệp sau DH nước ngoài			
11	Hà Nội	Huyện Gia Lâm	TK kinh tế	Dương Thu Thanh	Nữ	25/8/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
12	Hà Nội	Huyện Gia Lâm	TK kinh tế	Nguyễn Thành Dương	Nam	15/9/1979	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
13	Hà Nội	Huyện Thường Tín	TK kinh tế	Nguyễn Tuấn Minh	Nam	3/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
14	Hà Nội	Huyện Thường Tín	TK kinh tế	Đặng Đình Bắc	Nam	26/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
15	Hà Nội	Huyện Thường Tín	TK kinh tế	Kiều Xuân Minh	Nam	20/10/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
16	Hà Nội	Huyện Thường Tín	TK kinh tế	Nguyễn Đức Tùng	Nam	21/8/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
17	Hà Nội	Huyện Thường Tín	TK kinh tế	Dương Thị Thu Trang	Nữ	10/2/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Cơ Đẳng ĐH về Tiếng Anh			
18	Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Kim Oanh	Nữ	28/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
19	Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	13/11/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
20	Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	TK kinh tế	Đỗ Nguyễn Thủy Hằng	Nữ	2/4/1986		TKV	ĐH	ĐH					
21	Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	TK kinh tế	Ngô Quốc Tuấn	Nam	22/10/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
22	Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	6/11/1986	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
23	Hà Giang	Huyện Hoàng Su Phì	TK kinh tế	Nông Ngọc Hải	Nữ	3/11/1988	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
24	Hà Giang	Huyện Hoàng Su Phì	TK kinh tế	Hà Ngọc Hưng	Nam	1/9/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
25	Hà Giang	Huyện Yên Minh	TK kinh tế	Nguyễn Duy Thành	Nam	4/9/1989	Tây	TKV	ĐH	Thạc sỹ	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
26	Hà Giang	Huyện Yên Minh	TK kinh tế	Vũ Mi Lâu	Nam	14/9/1993	Mông	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
27	Hà Giang	Huyện Yên Minh	TK kinh tế	Nguyễn Lê Hoàng	Nam	1/8/1992	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
28	Hà Giang	Huyện Yên Minh	TK kinh tế	Nguyễn Văn Tượng	Nam	8/2/1994	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
29	Hà Giang	Huyện Xín Mần	TK kinh tế	Trần Mạnh Hùng	Nam	29/2/1996	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
30	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Hoàng Thị Khánh Như	Nữ	13/4/1993	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
31	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Hoàng Thị Hoa	Nữ	13/10/1986	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
32	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Hoàng Thùy Hồng	Nữ	18/9/1991	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
33	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Đỗ Thị Ánh Tuyết	Nữ	8/9/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
34	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Hoàng Đức Tuyển	Nam	5/4/1992	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
35	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Đinh Thị Diệu Hoa	Nữ	22/2/1996	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
36	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Triệu Văn Quyền	Nam	1/4/1994	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
37	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Hoàng Thị Liên	Nữ	29/5/1993	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
38	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Nông Thị Việt Hằng	Nữ	4/11/1991	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
39	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Nguyễn Sâm Thu Hương	Nữ	1/3/1995	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
40	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Phan Thị Diệu Hoa	Nữ	29/8/1993	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
41	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Nguyễn Hoàng Giang	Nam	24/2/1996	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
42	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Phan Thị Bích	Nữ	3/3/1995	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
43	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Hoàng Ich Tân	Nam	27/5/1995	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
44	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Nguyễn Bích Hạnh	Nữ	19/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
45	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Lương Thị Oanh	Nữ	2/6/1992	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
46	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Phạm Bảo Yến	Nữ	28/6/1995	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
47	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK gia, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Lê Thị Thảo	Nữ	1/1/1994	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
48	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK gia, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Long Văn Nam	Nam	26/12/1988	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
49	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK xã hội	Triệu Thu Huyền	Nữ	7/7/1995	Dao	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
50	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK xã hội	Lý Minh Huệ	Nữ	15/11/1995	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
51	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK xã hội	Hoàng Thị Hải Anh	Nữ	30/6/1994	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
52	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK xã hội	Nông Thị Con	Nữ	1/7/1985	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
53	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK xã hội	Hoàng Thủy Dung	Nữ	22/4/1995	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
54	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK xã hội	Hoàng Thị Tuyền	Nữ	8/3/1993	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
55	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK xã hội	Hoàng Minh Tuấn	Nam	11/9/1985	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
56	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK xã hội	Đàm Thị Huyền Thanh	Nữ	25/9/1995	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
57	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK kinh tế	Hoàng Văn Lực	Nam	20/7/1994	Nùng	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
58	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK kinh tế	Luong Thị Diệu Linh	Nữ	31/3/1993	Tày	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
59	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK kinh tế	Nông Quốc Huy	Nam	6/9/1994	Tày	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
60	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK kinh tế	Hoàng Thị Hằng	Nữ	27/9/1996	Tày	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
61	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	TK xã hội	Hoàng Thị Thu Hương	Nữ	5/10/1993	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
62	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Trịnh Thị Diệu	Nữ	3/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Tổng hợp DH nước ngoài			
63	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Lâm Quỳnh Trang	Nữ	4/9/1996	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
64	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Đàm Diệu Mai	Nữ	5/10/1994	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
65	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Hoàng Hạnh Tâm	Nữ	6/12/1994	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
66	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Lý Thu Uyên	Nữ	10/6/1992	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
67	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Linh Thu Hà	Nữ	20/5/1997	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
68	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Nông Thị Lan	Nữ	25/11/1993	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
69	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Nông Văn Bình	Nam	20/4/1991	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Tổng hợp DH nước ngoài			DTTS
70	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Lê Phương Trinh	Nữ	22/4/1994	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
71	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Nông Thu Hiền	Nữ	20/12/1995	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Diện ưu tiên
72	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Bê Khánh Ly	Nữ	6/8/1992	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
73	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	TK kinh tế	Trương Thị Thụy	Nữ	28/1/1994	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
74	Cao Bằng	Huyện Bảo Lâm	TK kinh tế	Bàn Văn Thiện	Nam	15/2/1995	Dao	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
75	Cao Bằng	Huyện Bảo Lâm	TK kinh tế	Trịnh Thị Châm	Nữ	1/5/1995	Dao	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
76	Cao Bằng	Huyện Bảo Lâm	TK kinh tế	Nông Thị Ngọc Bích	Nữ	21/11/1995	Nùng	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
77	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	TK kinh tế	Đổng Văn Toán	Nam	16/2/1996	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
78	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	TK kinh tế	Hà Thiên Nhân	Nam	29/10/1997	tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
79	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	TK kinh tế	Thắm Thị Đào	Nữ	2/10/1996	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
80	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	TK kinh tế	Bê Thị Thu Hà	Nữ	6/7/1984	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
81	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	TK kinh tế	Lê Thị Hương	Nữ	16/4/1995	tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
82	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	TK kinh tế	Đàm Thị Hồng	Nữ	29/6/1991	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
83	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	TK kinh tế	Hoàng Thị Hương	Nữ	16/8/1995	Nùng	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
84	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	TK kinh tế	Nông Ngọc Anh	Nam	2/11/1987	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
85	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	TK kinh tế	Hoàng Phương Thảo	Nữ	2/11/1994	Tây	TKVCD	CD	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
86	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	TK kinh tế	Hoàng Thanh Tân	Nam	20/11/1993	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
87	Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	TK xã hội	Định Xuân Hoa	Nam	21/12/1995	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
88	Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	TK xã hội	Hà Thị Em	Nữ	7/3/1990	Nùng	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
89	Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	TK xã hội	Hoàng Thanh Thuà	Nữ	15/3/1997	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
90	Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	TK xã hội	Nông Thị Liên	Nữ	15/12/1997	Nùng	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
91	Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	TK xã hội	Mã Thị Mỹ	Nữ	4/4/1995	tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
92	Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	TK xã hội	Nguyễn Xuân Hòa	Nam	10/12/1996	tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
93	Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	TK xã hội	Phan Thị Lệ Quyên	Nữ	2/5/1992	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
94	Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	TK xã hội	Lục Mườn Giáp	Nam	11/3/1991	Nùng	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
95	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Lục Bích Ngọc	Nữ	14/5/1992	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
96	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Hoàng Thị Chung	Nữ	24/5/1994	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngành đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
97	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Trương Thị Hạnh	Nữ	19/4/1989	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
98	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Trang	Nữ	27/10/1994	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
99	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Ngôn Thị Mai Lê	Nữ	12/5/1994	Tày	TKV	ĐH	ĐH					DTTS
100	Bắc Kạn	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Doanh Xuân Giang	Nam	24/1/1989	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS	Miễn	Thị vị trí CNTT TK	DTTS
101	Bắc Kạn	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Hoàng Thị Yên	Nữ	26/6/1989	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS	Miễn	Thị vị trí CNTT TK	DTTS
102	Bắc Kạn	Huyện Na Rì	TK Kinh tế	Vũ Đình Hương	Nam	20/3/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
103	Bắc Kạn	Huyện Na Rì	TK kinh tế	Nông Ngọc Lan	Nữ	13/8/1995	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
104	Bắc Kạn	Huyện Na Rì	TK kinh tế	Lý Thị Phương Anh	Nữ	1/10/1993	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
105	Bắc Kạn	Huyện Na Rì	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thu	Nữ	1/7/1994	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
106	Tuyên Quang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Vì Thị Na	Nữ	19/8/1990	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
107	Tuyên Quang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	29/6/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
108	Tuyên Quang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Trương Thị Hải Duyên	Nữ	2/2/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
109	Tuyên Quang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Quang Vũ	Nam	6/1/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
110	Tuyên Quang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Ngọc Oanh	Nữ	19/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	CD CNTT, TH, Toán Tin	
111	Tuyên Quang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Phan Thanh Hương	Nữ	16/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
112	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	TK nông nghiệp	Triều Thị Nhung	Nữ	4/11/1992	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
113	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	TK nông nghiệp	Trần Khánh Toàn	Nam	25/7/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
114	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	TK nông nghiệp	Lục Minh Giác	Nam	20/3/1989	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
115	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	TK nông nghiệp	Nông Bế Khiêm	Nữ	11/3/1992	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
116	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	TK nông nghiệp	Lê Thị Ngọc	Nữ	10/8/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
117	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	TK nông nghiệp	Trần Mỹ Linh	Nữ	6/1/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
118	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	TK nông nghiệp	Đặng Thị Minh Nguyệt	Nữ	16/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
119	Tuyên Quang	PTK Công - Thương	TK thương mại	Mã Thị Mỹ Duyên	Nữ	8/7/1995	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
120	Tuyên Quang	PTK Công - Thương	TK thương mại	Lê Thủy Chang	Nữ	29/5/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
121	Tuyên Quang	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Đức Hòa	Nam	20/9/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thị vị trí CNTT TK	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
122	Tuyên Quang	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Hà Kim Khánh	Nữ	2/12/1991	Tày	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS	Miễn	Thi và tri CNTT TK	DTTS
123	Tuyên Quang	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Đỗ Thị Quỳnh	Nữ	28/6/1993	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
124	Tuyên Quang	TP Tuyên Quang	TK kinh tế	Lê Thiết Hùng	Nam	30/10/1993	Kinh	TKVCD	CD	CD					
125	Tuyên Quang	TP Tuyên Quang	TK kinh tế	Mai Vũ Duy	Nam	24/4/1996	Kinh	TKVCD	CD	CD					
126	Lào Cai	TP Lào Cai	TK kinh tế	Phùng Thị Vân Huệ	Nữ	26/12/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
127	Lào Cai	TP Lào Cai	TK kinh tế	Bùi Hoàng Quyền	Nữ	25/3/1995	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
128	Lào Cai	Huyện Bát Xát	TK kinh tế	Nguyễn Minh Tuyên	Nữ	27/6/1992	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
129	Lào Cai	Huyện Bát Xát	TK kinh tế	Hoàng Anh Tuấn	Nam	15/2/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
130	Lào Cai	Huyện Bát Xát	TK kinh tế	Lê Trọng Dũng	Nam	16/12/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
131	Lào Cai	Huyện Bát Xát	TK kinh tế	Lê Hà Thu	Nữ	19/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
132	Lào Cai	Huyện Bắc Hà	TK kinh tế	Hoàng Hương Giang	Nữ	16/10/1995	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
133	Lào Cai	Huyện Bắc Hà	TK kinh tế	Hoàng Thanh Du	Nam	3/9/1992	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
134	Lào Cai	Huyện Bắc Hà	TK kinh tế	Lê Tuấn Anh	Nam	12/12/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
135	Lào Cai	Huyện Bảo Yên	TK kinh tế	Nguyễn Duy Hải	Nam	5/4/1996	Kinh	TKVCD	CD	CD					
136	Lào Cai	Huyện Bảo Yên	TK kinh tế	Lục Quốc Việt	Nam	12/12/1996	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
137	Điện Biên	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Hà Thu Hằng	Nữ	21/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
138	Điện Biên	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Vàng Thị My	Nữ	12/8/1994	Mông	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
139	Điện Biên	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Phạm Quỳnh Nga	Nữ	6/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
140	Điện Biên	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Đỗ Quỳnh Nga	Nữ	17/9/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
141	Điện Biên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Nguyễn Thị Thúy Diệu	Nữ	5/4/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
142	Điện Biên	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Minh Tuấn	Nam	22/10/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
143	Điện Biên	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12/7/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
144	Điện Biên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Thúy Dung	Nữ	6/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
145	Điện Biên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	31/7/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
146	Điện Biên	TP Điện Biên Phủ	TK kinh tế	Đặng Hồng Nhung	Nữ	1/6/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
147	Điện Biên	Huyện Mường Chà	TK xã hội	Lê Tuyết Mai	Nữ	20/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
148	Điện Biên	Huyện Mường Chà	TK xã hội	Phan Thị Thủy Linh	Nữ	13/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
149	Điện Biên	Huyện Điện Biên	TK xã hội	Nguyễn Thu Hà	Nữ	28/6/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
150	Điện Biên	Huyện Điện Biên	TK xã hội	Phạm Thị Thủy	Nữ	31/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vòng DTTS			
151	Điện Biên	Huyện Điện Biên	TK xã hội	Phạm Ngọc Thám	Nam	10/2/1995	Kinh	TKVCĐ	CĐ	CĐ					
152	Điện Biên	Huyện Điện Biên Đông	TK xã hội	Võ Vĩnh Phú	Nam	5/9/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
153	Điện Biên	Huyện Điện Biên Đông	TK xã hội	Mùa A Minh	Nam	4/6/1994	Mông	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vòng DTTS			DTTS
154	Điện Biên	Huyện Mường Ảng	TK kinh tế	Lê Thu Thủy	Nữ	21/6/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vòng DTTS			
155	Điện Biên	TX Mường Lay	TK kinh tế	Đặng Thị Hải Vân	Nữ	3/10/1994	Kinh	TKVCĐ	CĐ	CĐ					
156	Điện Biên	Huyện Tủa Chùa	TK kinh tế	Hà Thị Tuyết	Nữ	25/12/1994	Kinh	TKVCĐ	CĐ	CĐ					
157	Điện Biên	Huyện Tuần Giáo	TK xã hội	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	5/1/1995	Kinh	TKVCĐ	CĐ	CĐ					
158	Lai Châu	Phòng TK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	29/12/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
159	Lai Châu	Phòng TK Nông nghiệp	TK Nông nghiệp	Là Thị Phương Thủy	Nữ	26/11/1991	Thái	TKV	ĐH	Thạc sỹ	Miễn	Người DTTS dự tuyển vòng DTTS			DTTS
160	Lai Châu	Phòng TK Nông nghiệp	TK Nông nghiệp	Trần Công Tú	Nam	3/9/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vòng DTTS			
161	Lai Châu	Phòng TK Nông nghiệp	TK Nông nghiệp	Nguyễn Thị Quế	Nữ	10/11/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
162	Lai Châu	Phòng TK Nông nghiệp	TK Nông nghiệp	Phan Thị Thanh Tâm	Nữ	15/8/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vòng DTTS			
163	Lai Châu	Phòng TK Nông nghiệp	TK Nông nghiệp	Vy Ngọc Thủy	Nữ	7/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
164	Sơn La	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	28/10/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
165	Sơn La	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	25/6/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
166	Sơn La	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Anh Đức	Nam	8/3/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
167	Sơn La	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	8/11/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
168	Sơn La	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Lê Thị Linh	Nữ	15/6/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
169	Sơn La	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	9/8/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
170	Sơn La	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Dỗ Đăng Sơn Ninh	Nam	5/6/1992	Thái	TKV	ĐH	ĐH					DTTS
171	Sơn La	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Bạc Thị Mai	Nữ	23/3/1991	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vòng DTTS			DTTS

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện vụ tiền
172	Sơn La	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Tô Việt Hùng	Nam	19/12/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
173	Sơn La	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Phạm Thị Nhật Hà	Nữ	27/10/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
174	Sơn La	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Thị Thủy Linh	Nữ	15/7/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
175	Sơn La	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Vũ Thị Hương	Nữ	11/12/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
176	Sơn La	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Trần Văn Thắng	Nam	3/7/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
177	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Hương Giang	Nữ	19/5/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
178	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	2/10/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
179	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Trần Thị Nhật Huyền	Nữ	4/9/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
180	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Vũ Kim Dung	Nữ	18/2/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
181	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Đặng Hùng Cường	Nam	7/11/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
182	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Ngọc Tú	Nam	7/10/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
183	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	17/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
184	Sơn La	PTK Thương mại	TK thương mại	Trần Thị Như Quỳnh	Nữ	29/8/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
185	Sơn La	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	22/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
186	Sơn La	PTK Thương mại	TK thương mại	Lô Bình An	Nam	30/10/1995	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
187	Sơn La	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	20/9/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
188	Sơn La	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Hoàng Thị Hoàn	Nữ	11/7/1990	Kinh	KTV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC tăng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
189	Sơn La	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Phùng Thị Thanh Huyền	Nữ	11/12/1990	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
190	Sơn La	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	30/4/1986	Mường	KTV	ĐH	ĐH			Miễn	TC CNTT, TH, Toán Tin	DTTS
191	Sơn La	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Vũ Thị Hồng Ngọc	Nữ	24/1/1993	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
192	Sơn La	TP Sơn La	TK kinh tế	Phạm Thị Kiều Trang	Nữ	31/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
193	Sơn La	TP Sơn La	TK kinh tế	Luông Thị Quả Hắng	Nữ	6/8/1996	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
194	Sơn La	TP Sơn La	TK kinh tế	Vũ Thị Thanh Hương	Nữ	3/2/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
195	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	TK kinh tế	Điền Quỳnh Ly	Nữ	27/9/1991	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
196	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	TK kinh tế	Tông Thị Quý	Nữ	15/2/1990	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
197	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	TK kinh tế	Hoàng Mạnh Cường	Nam	8/8/1996	Thái	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
198	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	TK kinh tế	Phùng Ngọc Anh	Nam	19/5/1997	Kinh	TKVCD	CD	CD					
199	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	TK kinh tế	Lò Thị Bích Thảo	Nữ	6/8/1995	Thái	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
200	Sơn La	Huyện Mường La	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	9/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
201	Sơn La	Huyện Bắc Yên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Giang	Nữ	15/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC tổng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
202	Sơn La	Huyện Phù Yên	TK kinh tế	Cầm Đình Nguyên	Nam	9/7/1991	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
203	Sơn La	Huyện Phù Yên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Đoàn Trang	Nữ	16/6/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
204	Sơn La	Huyện Phù Yên	TK kinh tế	Lò Thị Nga Trang	Nữ	7/5/1989	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC tổng DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
205	Sơn La	Huyện Mộc Châu	TK kinh tế	Trần Thị Nga	Nữ	12/6/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
206	Sơn La	Huyện Mộc Châu	TK kinh tế	Vũ Thị Nguyên	Nữ	8/1/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
207	Sơn La	Huyện Mộc Châu	TK kinh tế	Nguyễn Văn Hòa	Nam	31/12/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
208	Sơn La	Huyện Mộc Châu	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	12/10/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
209	Sơn La	Huyện Mai Sơn	TK kinh tế	Lê Hoài An	Nữ	4/11/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
210	Sơn La	Huyện Mai Sơn	TK kinh tế	Lò Thị Bích Ngọc	Nữ	8/8/1989	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
211	Sơn La	Huyện Mai Sơn	TK kinh tế	Mai Phương Thảo	Nữ	3/7/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
212	Sơn La	Huyện Sông Mã	TK kinh tế	Hà Đức Điệp	Nam	3/5/1993	Thái	TKVCD	CD	CD	Miễn	Có CC tổng DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
213	Sơn La	Huyện Sông Mã	TK kinh tế	Đinh Đức Thắng	Nam	9/10/1996	Mường	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
214	Sơn La	Huyện Sông Mã	TK kinh tế	Lò Thị Ngọc	Nữ	8/10/1987	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
215	Sơn La	Huyện Sốp Cộp	TK kinh tế	Trần Thị Mai Hương	Nữ	25/4/1980	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
216	Sơn La	Huyện Sốp Cộp	TK kinh tế	Nguyễn Thị Liễu	Nữ	15/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
217	Yên Bái	Huyện Yên Bình	TK kinh tế	Hà Thu Hằng	Nữ	2/11/1993	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
218	Yên Bái	Huyện Yên Bình	TK kinh tế	Nông Thị Cẩm Nhung	Nữ	6/1/1993	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
219	Hòa Bình	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Quách Thị Hà	Nữ	28/4/1991	Mường	CS	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
220	Hòa Bình	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Hà Nhật Linh	Nữ	9/10/1996	Kinh	CS	CD	ĐH					
221	Hòa Bình	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	5/12/1988	Kinh	CS	CD	CD					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
222	Hòa Bình	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Tạ Văn Tùng	Nam	14/9/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi vị trí CNTT TK	
223	Hòa Bình	Huyện Lương Sơn	TK kinh tế	Trần Thị Lệ	Nữ	20/7/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
224	Hòa Bình	Huyện Lương Sơn	TK kinh tế	Bạch Mạnh Hùng	Nam	8/6/1991	Mường	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
225	Hòa Bình	Huyện Lương Sơn	TK kinh tế	Trịnh Đăng Tuyển	Nam	24/12/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
226	Hòa Bình	Huyện Tân Lạc	TK kinh tế	Nguyễn Thị Châu Trang	Nữ	2/4/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
227	Hòa Bình	Huyện Tân Lạc	TK kinh tế	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	24/6/1986	Mường	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
228	Hòa Bình	Huyện Tân Lạc	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	6/7/1992	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
229	Hòa Bình	Huyện Tân Lạc	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	2/10/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
230	Hòa Bình	Huyện Tân Lạc	TK kinh tế	Bùi Thị Quỳnh	Nữ	6/4/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
231	Hòa Bình	Huyện Lạc Thủy	TK kinh tế	Đinh Thị Thanh Nga	Nữ	23/9/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
232	Hòa Bình	Huyện Lạc Thủy	TK kinh tế	Nguyễn Phương Huệ	Nữ	4/8/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
233	Hòa Bình	Huyện Lạc Thủy	TK kinh tế	Lê Thị Hợp	Nữ	21/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	TC CNTT, TH, Toán Tin	Con bệnh binh
234	Hòa Bình	Huyện Kim Bôi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Bích Liên	Nữ	29/8/1978	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
235	Hòa Bình	Huyện Mai Châu	TK kinh tế	Nguyễn Thu Lan	Nữ	24/10/1996	Kinh	TKVCD	CD	CD					
236	Hòa Bình	Huyện Mai Châu	TK kinh tế	Nguyễn Văn Xuân	Nam	27/9/1995	Kinh	TKVCD	CD	CD					
237	Hòa Bình	Huyện Lạc Sơn	TK kinh tế	Bùi Thanh Tùng	Nam	10/1/1994	Kinh	TKVCD	CD	CD					
238	Hòa Bình	Huyện Lạc Sơn	TK kinh tế	Trần Xuân Đại	Nam	17/12/1990	Kinh	TKVCD	CD	CD					
239	Tỉnh Thái Nguyên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	La Thị Ngọc Yến	Nữ	3/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
240	Tỉnh Thái Nguyên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Đỗ Thị Bích Liên	Nữ	6/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
241	Tỉnh Thái Nguyên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Trần Thị Huệ	Nữ	15/10/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
242	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Định Hóa	TK kinh tế	Hoàng Thị Thu Thủy	Nữ	10/9/1994	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
243	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Định Hóa	TK kinh tế	Sỹ Văn Dũng	Nam	12/12/1993	Nùng	TKV	ĐH	ĐH					DTTS
244	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Định Hóa	TK kinh tế	Trần Thị Ngọc Huệ	Nữ	4/2/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
245	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Định Hóa	TK kinh tế	Trần Thị Lan	Nữ	29/6/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
246	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	TK kinh tế	Nguyễn Hà My	Nữ	19/7/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Diện ưu tiên
247	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	TK kinh tế	Nguyễn Hồng Quý	Nữ	26/7/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
248	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	TK kinh tế	Bùi Thị Thu Thủy	Nữ	23/10/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
249	Tỉnh Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	TK kinh tế	Nguyễn Thị Tân	Nữ	15/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
250	Lang Son	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Đinh Thị Quyền	Nữ	15/8/1995	Tây	CS	CD	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
251	Lang Son	TP Lạng Sơn	TK kinh tế	Nông Mạnh Tuấn	Nam	8/5/1991	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
252	Lang Son	TP Lạng Sơn	TK kinh tế	Đinh Phương Loan	Nữ	1/6/1991	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
253	Lang Son	TP Lạng Sơn	TK kinh tế	Nông Thị Thu Thủy	Nữ	12/5/1991	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
254	Lang Son	TP Lạng Sơn	TK kinh tế	Cao Thủy Dung	Nữ	19/12/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
255	Lang Son	TP Lạng Sơn	TK kinh tế	Vì Minh Đức	Nam	10/6/1992	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
256	Lang Son	TP Lạng Sơn	TK kinh tế	Vũ Ngọc Hà	Nữ	24/8/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
257	Lang Son	Huyện Cao Lộc	TK kinh tế	Mã Thị Oanh	Nữ	23/9/1992	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
258	Lang Son	Huyện Cao Lộc	TK kinh tế	Hà Khánh Ly Lợi	Nữ	22/10/1994	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
259	Lang Son	Huyện Cao Lộc	TK kinh tế	Đặng Thị Hương	Nữ	3/5/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
260	Lang Son	Huyện Cao Lộc	TK kinh tế	Nông Thị Bích Hằng	Nữ	29/2/1996	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
261	Lang Son	Huyện Cao Lộc	TK kinh tế	Lương Anh Tuấn	Nam	7/12/1995	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
262	Lang Son	Huyện Cao Lộc	TK kinh tế	Phạm Xuân Trường	Nam	31/5/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
263	Lang Son	Huyện Cao Lộc	TK kinh tế	Lương Mạnh Thắng	Nam	22/4/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
264	Lang Son	Huyện Cao Lộc	TK kinh tế	Chu Lương Nguyên	Nữ	1/1/1982	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có Bằng DH về Tiếng Anh			DTTS
265	Lang Son	Huyện Lộc Bình	TK kinh tế	Hoàng Thị Ly	Nữ	5/3/1995	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
266	Lang Son	Huyện Lộc Bình	TK kinh tế	Vy Văn Hiệp	Nam	4/8/1993	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
267	Lang Son	Huyện Hữu Lũng	TK kinh tế	Vũ Hoàng Hưng	Nam	17/11/1991	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
268	Lang Son	Huyện Hữu Lũng	TK kinh tế	Lê Thị Mỹ Hạnh	Nữ	20/9/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
269	Lang Son	Huyện Hữu Lũng	TK kinh tế	Dỗ Minh Tuấn	Nam	29/7/1991	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					
270	Lang Son	Huyện Đình Lập	TK kinh tế	Đặng Phương Liên	Nữ	26/6/1997	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
271	Lang Son	Huyện Đình Lập	TK kinh tế	Đặng Thị Lý	Nữ	12/6/1996	Tây	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
272	Lang Son	Huyện Đình Lập	TK kinh tế	Chau Anh Chiến	Nam	17/10/1989	Nùng	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vòng DTTS			DTTS
273	Lang Son	Huyện Tràng Định	TK kinh tế	Vũ Hải Yến	Nữ	26/12/1994	Nùng	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vòng DTTS			DTTS
274	Lang Son	Huyện Tràng Định	TK kinh tế	Lương Minh Chiến	Nam	23/3/1988	Tày	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vòng DTTS			DTTS
275	Lang Son	Huyện Tràng Định	TK kinh tế	Đào Văn Trường	Nam	17/9/1994	Kinh	TKVCD	CD	CD					
276	Lang Son	Huyện Văn Quan	TK kinh tế	Hoàng Tiến Hùng	Nam	20/5/1993	Nùng	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vòng DTTS			DTTS
277	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Vũ Tài Minh Hoa	Nữ	1/7/1997	Kinh	TKVCD	CD	CD					
278	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Ninh Thị Chuyên	Nữ	27/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
279	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Phạm Thị Tâm	Nữ	16/11/1996	Kinh	TKVCD	CD	CD					
280	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Hà Xuân	Nữ	25/10/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
281	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Phạm Thị Vân	Nữ	18/12/1986	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
282	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	15/6/1986	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
283	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Phạm Đình Mạnh	Nam	8/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
284	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Đổng Thủy Dương	Nữ	18/7/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
285	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Trương Thị Nguyệt	Nữ	1/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
286	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Mông Thị Nhu	Nữ	31/10/1994	Cao Lan	TKVCD	CD	CD					DTTS
287	Quảng Ninh	Phòng Thống kê Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Vũ Bích Vân	Nữ	7/3/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
288	Quảng Ninh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	17/11/1987	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					Con thương binh
289	Quảng Ninh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	2/1/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
290	Quảng Ninh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Lê Thị Bình	Nữ	3/1/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
291	Quảng Ninh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Quỳnh Diệp	Nữ	8/12/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
292	Quảng Ninh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Văn Tĩnh	Nam	10/9/1983	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ	Miễn	Cơ Bểng ĐH về Tiếng Anh			
293	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	TK kinh tế	Nguyễn Ngọc Lợi	Nữ	13/1/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
294	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	TK kinh tế	Vũ Thị Mai Anh	Nữ	7/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
295	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	TK kinh tế	Bê Thành Tuyên	Nam	21/7/1992	Tày	TKV	ĐH	ĐH					DTTS
296	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	TK kinh tế	Bùi Thị Ngọc Mai	Nữ	20/11/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
297	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	TK kinh tế	Lê Thị Ngân Hà	Nữ	28/11/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
298	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	TK kinh tế	Chu Tuấn Anh	Nam	26/3/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
299	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	TK kinh tế	Hoàng Mạnh Chính	Nam	21/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
300	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	TK kinh tế	Đặng Thị Phương	Nữ	23/2/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
301	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	TK kinh tế	Nguyễn Giang Nam	Nam	12/10/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Hoàn thành NVQS
302	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	TK kinh tế	Phạm Thị Khánh Chinh	Nữ	1/3/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
303	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	TK kinh tế	Đinh Công Quyền	Nam	13/6/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
304	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	TK kinh tế	Đào Lê Anh Bình	Nam	28/7/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
305	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	TK kinh tế	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	30/10/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
306	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	TK kinh tế	Trần Văn Lực	Nam	11/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
307	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	TK kinh tế	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	23/7/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Còn thương binh
308	Bắc Giang	Huyện Sơn Đông	TK kinh tế	Bùi Anh Vũ	Nam	6/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
309	Bắc Giang	Huyện Sơn Đông	TK kinh tế	Ngọc Thị Bảo Thoa	Nữ	28/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
310	Bắc Giang	Huyện Sơn Đông	TK kinh tế	Ngọc Thị Thư	Nữ	11/2/1993	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
311	Bắc Giang	Huyện Sơn Đông	TK kinh tế	Hoàng Duy Cường	Nam	5/7/1993	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
312	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	16/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
313	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	TK kinh tế	Lưu Trung Kiên	Nam	21/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
314	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	TK kinh tế	Nguyễn Minh Phương	Nữ	1/10/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
315	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	TK kinh tế	Dương Thị Mơ	Nữ	10/5/1995	Sán Diu	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
316	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	TK kinh tế	Mai Thủy Trang	Nữ	29/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
317	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	TK kinh tế	Vũ Thị Liên	Nữ	23/10/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
318	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Mai Nhung	Nữ	18/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
319	Phú Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Vũ Thị Ánh Nguyệt	Nữ	1/2/1991	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
320	Phú Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	24/5/1989	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
321	Phú Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Khổng Đỗ Phương My	Nữ	10/1/1994	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
322	Phù Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Cao Thị Việt Anh	Nữ	30/1/1991	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
323	Phù Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Bùi Thanh Hương	Nữ	23/8/1986	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					người bị nhiễm chất
324	Phù Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Hà Hương Thu	Nữ	30/1/1988	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
325	Phù Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Phạm Thị Hoàng Anh	Nữ	14/5/1996	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
326	Phù Thọ	Huyện Hạ Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Huy Hà	Nam	19/12/1994	Kinh	TKVCD	CD	CD					
327	Phù Thọ	Huyện Hạ Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Đình Tú	Nam	15/12/1991	Mường	TKVCD	CD	CD					DTTS
328	Phù Thọ	Huyện Thanh Ba	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	13/10/1993	Kinh	TKVCD	CD	CD					
329	Phù Thọ	Huyện Đoan Hùng	TK xã hội	Đỗ Ngọc Loan	Nữ	7/3/1989	Dao	TKVCD	CD	CD					DTTS
330	Phù Thọ	Huyện Đoan Hùng	TK xã hội	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Nữ	22/10/1993	Kinh	TKVCD	CD	CD					
331	Phù Thọ	Huyện Cẩm Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hà	Nữ	18/8/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
332	Phù Thọ	Huyện Cẩm Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	28/2/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
333	Phù Thọ	Huyện Cẩm Khê	TK kinh tế	Dương Thị Kim Chinh	Nữ	20/2/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
334	Phù Thọ	Huyện Cẩm Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Dương	Nữ	13/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển công DTTS			
335	Phù Thọ	Huyện Cẩm Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Nga	Nữ	12/11/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
336	Phù Thọ	Huyện Cẩm Khê	TK kinh tế	Phạm Thị Thu Hương Huyền	Nữ	14/5/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
337	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	TK kinh tế	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	3/2/1995	Kinh	TKVCD	CD	CD					
338	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	TK kinh tế	Trần Mỹ Duyên	Nữ	11/12/1996	Kinh	TKVCD	CD	CD					
339	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	TK kinh tế	Nguyễn Văn Giáp	Nam	20/5/1994	Kinh	TKVCD	CD	CD			Miễn	CD CNTT, TH, Toán Tin	
340	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	TK kinh tế	Nguyễn Ngọc Bình	Nam	7/5/1995	Kinh	TKVCD	CD	CD					
341	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	TK kinh tế	Phạm Thị Thanh Hiền	Nữ	15/7/1988	Kinh	TKVCD	CD	CD					
342	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	TK kinh tế	Phạm Gia Thành	Nam	13/6/1994	Kinh	TKVCD	CD	CD					
343	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	TK kinh tế	Mai Thủy Linh	Nữ	14/5/1994	Kinh	TKVCD	CD	CD					
344	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thủy Ninh	Nữ	20/12/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
345	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Nguyễn Minh Thắng	Nam	5/6/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
346	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hiếu Anh	Nữ	29/10/1994	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
347	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Đỗ Mai Dung	Nữ	23/5/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
348	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thuý	Nữ	25/1/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
349	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Đinh Văn Anh	Nam	6/8/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	CD CNTT, TH, Toán Tin	
350	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Vũ Thị Giang Thu	Nữ	27/10/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
351	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Lưu Thị Nhuận	Nữ	24/4/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
352	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hải Yến	Nữ	6/4/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
353	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Nguyễn Thị Mai	Nữ	23/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
354	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Nguyễn Thị Lữ	Nữ	30/3/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
355	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Nguyễn Đình Chính	Nam	25/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
356	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Chu Hương Thảo	Nữ	5/6/1991	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
357	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Nghiêm Thị Quyên	Nữ	11/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
358	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	TK kinh tế	Đào Phương Hoa	Nữ	16/10/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
359	Hải Dương	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Phạm Thị Hồng Hạnh	Nữ	23/11/1984	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
360	Hưng Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Bùi Thị Luyện	Nữ	2/9/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
361	Hưng Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Vũ Thị Hồng Hào	Nữ	18/8/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
362	Hưng Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Phạm Minh Trí	Nam	24/6/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
363	Hưng Yên	TP Hưng Yên	TK kinh tế	Phạm Thị Hương Cúc	Nữ	1/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
364	Hưng Yên	TP Hưng Yên	TK kinh tế	Phạm Quốc Tuấn	Nam	21/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
365	Hưng Yên	TP Hưng Yên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hà	Nữ	25/5/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
366	Hưng Yên	TP Hưng Yên	TK kinh tế	Nguyễn Hồng Nga	Nữ	25/12/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
367	Hưng Yên	TP Hưng Yên	TK kinh tế	Lương Quỳnh Trang	Nữ	4/6/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Tốt nghiệp ĐH tại cơ sở học bằng TA ở VN			
368	Hưng Yên	TP Hưng Yên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Phương	Nữ	2/2/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
369	Hưng Yên	TP Hưng Yên	TK kinh tế	Trần Thị Thanh Thủy	Nữ	21/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
370	Hưng Yên	Huyện Ân Thi	TK kinh tế	Đỗ Thị Hiền	Nữ	16/5/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
371	Hưng Yên	Huyện Ân Thi	TK kinh tế	Đỗ Thế Tuấn	Nam	7/12/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Diện ưu tiên
372	Hưng Yên	Huyện Ân Thi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Xuân	Nữ	16/2/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
373	Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	TK kinh tế	Đỗ Thị Mỹ Linh	Nữ	9/9/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
374	Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	TK kinh tế	Vũ Thị Linh	Nữ	7/7/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
375	Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	7/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
376	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hương	Nữ	10/10/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
377	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Trần Văn Hiến	Nam	19/8/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
378	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Trịnh Thị Trang	Nữ	17/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
379	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Cù Tiên Lập	Nam	18/10/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
380	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Trần Ngọc Tú	Nam	8/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
381	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Trần Thị Ngọc Trinh	Nữ	9/5/1980	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
382	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Nguyễn Như Thịnh	Nam	6/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
383	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Hồ Thanh Mai	Nữ	7/5/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
384	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Hà Minh Tùng	Nam	21/10/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
385	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Đoàn Thị Huyền	Nữ	27/6/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
386	Nam Định	Huyện Giao Thủy	TK kinh tế	Trần Thanh Huyền	Nữ	3/8/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
387	Nam Định	Huyện Giao Thủy	TK kinh tế	Dương Thị Hồng Vân	Nữ	4/1/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
388	Nam Định	Huyện Giao Thủy	TK kinh tế	Nguyễn Thủy Dương	Nữ	24/12/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
389	Nam Định	Huyện Giao Thủy	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	18/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
390	Nam Định	Huyện Hải Hậu	TK kinh tế	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	17/9/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
391	Nam Định	Huyện Hải Hậu	TK kinh tế	Trần Đức Quý	Nam	20/10/1983	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
392	Nam Định	Huyện Hải Hậu	TK kinh tế	Vũ Thị Hoài	Nữ	25/12/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
393	Nam Định	Huyện Hải Hậu	TK kinh tế	Nguyễn Công Khang	Nam	9/3/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
394	Nam Định	Huyện Hải Hậu	TK kinh tế	Lê Thị Anh Hợp	Nữ	5/10/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
395	Nam Định	Huyện Hải Hậu	TK kinh tế	Nguyễn Thu Hương	Nữ	8/11/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
396	Nam Định	Huyện Xuân Trường	TK kinh tế	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	22/10/1990	Kinh	TKVCD	CD	CD					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Diện ưu tiên
397	Thanh Hóa	Huyện Tĩnh Gia	TK kinh tế	Đặng Thế Anh	Nam	26/11/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
398	Thanh Hóa	Huyện Tĩnh Gia	TK kinh tế	Lương Ngọc Nguyên	Nam	20/1/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
399	Thanh Hóa	Huyện Tĩnh Gia	TK kinh tế	Hoàng Thị Hoài	Nữ	6/9/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
400	Thanh Hóa	Huyện Tĩnh Gia	TK kinh tế	Mai Thị Yến Ly	Nữ	8/3/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
401	Thanh Hóa	Huyện Tĩnh Gia	TK kinh tế	Lê Thị Mai	Nữ	11/6/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
402	Thanh Hóa	Huyện Tĩnh Gia	TK kinh tế	Nguyễn Văn Chuyên	Nam	18/10/1979	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					Con út của người bị nhiễm chất độc hóa học
403	Thanh Hóa	Huyện Tĩnh Gia	TK kinh tế	Nguyễn Kiều Chinh	Nữ	18/12/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
404	Thanh Hóa	Huyện Tĩnh Gia	TK kinh tế	Lê Ngọc Khánh	Nam	1/5/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
405	Thanh Hóa	Huyện Lang Chánh	TK kinh tế	Trương Văn Khai	Nam	20/3/1991	Mường	TKVCD	CD	CD	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
406	Thanh Hóa	Huyện Lang Chánh	TK kinh tế	Hoàng Văn Cừ	Nam	25/6/1997	Kinh	TKVCD	CD	CD					
407	Thanh Hóa	Huyện Lang Chánh	TK kinh tế	Lê Thị Thu Phương	Nữ	2/9/1995	Kinh	TKVCD	CD	CD					
408	Nghệ An	Huyện Kỳ Sơn	TK kinh tế	Phan Thị Thanh Nhân	Nữ	7/2/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
409	Nghệ An	Huyện Kỳ Sơn	TK kinh tế	Hồ Thị Thảo	Nữ	1/12/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
410	Nghệ An	Huyện Quế Phong	TK kinh tế	Trương Thị Hương Giang	Nữ	29/12/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC tiếng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
411	Nghệ An	Huyện Quế Phong	TK kinh tế	Hồ Thị Trâm Anh	Nữ	10/5/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
412	Nghệ An	Huyện Quế Phong	TK kinh tế	Hồ Thị Thùy	Nữ	4/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
413	Nghệ An	Huyện Quế Phong	TK kinh tế	Trần Thị Thanh Huyền	Nữ	1/7/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
414	Nghệ An	Huyện Quỳnh Châu	TK kinh tế	Cao Thị Tâm	Nữ	15/4/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
415	Nghệ An	Huyện Quỳnh Châu	TK kinh tế	Đậu Việt Linh	Nam	14/9/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
416	Nghệ An	Huyện Quỳnh Châu	TK kinh tế	Vy Trung Thành	Nam	24/1/1989	Thái	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
417	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Bùi Vũ Thanh Hằng	Nữ	23/5/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
418	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Việt Tuấn	Nam	25/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					Con thương binh
419	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	18/2/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
420	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Trương Thị Kiều Oanh	Nữ	21/2/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
421	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Thục Huyền	Nữ	20/3/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
422	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Trang	Nữ	23/3/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
423	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Phạm Thị Trung	Nữ	4/4/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
424	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Lê Thị Trang	Nữ	26/4/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
425	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Trần Đình Mạnh	Nam	17/9/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
426	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Diệu Ngân	Nữ	10/6/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
427	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Trần Phương Dung	Nữ	21/6/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
428	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Đặng Thế Thục Linh	Nữ	21/5/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
429	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Biện Ngọc Yến	Nữ	12/11/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
430	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Lê Thị Thủy Linh	Nữ	29/6/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
431	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Phan Bảo Anh	Nữ	1/9/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
432	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Phạm Thị Văn Anh	Nữ	8/4/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
433	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Ngọc Hương Ly	Nữ	4/1/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
434	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	11/9/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
435	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Lê Đình Quân	Nam	25/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
436	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Phạm Thị Chi Mai	Nữ	5/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
437	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Hồng Vinh	Nữ	20/8/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
438	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	TK kinh tế	Trần Hà Phương	Nữ	28/8/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
439	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	TK kinh tế	Đinh Thị Huân	Nữ	6/6/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
440	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	TK kinh tế	Phạm Ngọc Lưu	Nam	24/9/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
441	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	TK kinh tế	Đương Thị Lam	Nữ	22/4/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
442	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hoà	Nữ	1/2/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
443	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	TK kinh tế	Hà Nhật Dũng	Nam	5/1/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
444	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	20/10/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
445	Quảng Bình	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Phạm Hữu Phú	Nam	3/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Tại vị trí CNTT TK	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
446	Quảng Bình	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Phan Tuấn Giang	Nam	8/7/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi tại CNTT TK	
447	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	TK kinh tế	Đặng Thị Ngọc Ánh	Nữ	13/9/1997	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
448	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	TK kinh tế	Trần Thanh Huy	Nam	14/12/1992	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
449	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	TK kinh tế	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	17/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
450	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	TK kinh tế	Đinh Minh Tuấn	Nam	16/8/1987	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
451	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	TK kinh tế	Hoàng Thị Thủy Linh	Nữ	25/12/1990	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
452	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	TK kinh tế	Trần Thị Quý	Nữ	22/10/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
453	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	TK kinh tế	Đinh Cao Liên Nam	Nam	9/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
454	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	5/8/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
455	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	TK kinh tế	Hoàng Thị Thủy Anh	Nữ	4/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
456	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	TK kinh tế	Đinh Ngọc Đồng Sang	Nữ	17/11/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
457	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	TK kinh tế	Mai Văn Hoài	Nam	4/11/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
458	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	TK kinh tế	Vê Thị Thanh Hằng	Nữ	12/12/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
459	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	TK kinh tế	Vô Thị Năm	Nữ	14/7/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
460	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	TK kinh tế	Trần Văn Trung	Nam	30/3/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
461	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	TK kinh tế	Trần Thị Liên	Nữ	13/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
462	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	12/6/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
463	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	TK kinh tế	Lê Thị Thương Huyền	Nữ	21/12/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
464	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Đoàn Thị Mỹ Ly	Nữ	10/2/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
465	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Lê Thị Nhật Thủy	Nữ	17/6/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
466	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Trần Hương Quỳnh	Nữ	26/10/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
467	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	1/9/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
468	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Lê Thị Thụy Trang	Nữ	15/9/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
469	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	22/5/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
470	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Mai	Nữ	13/12/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngành đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
471	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	12/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
472	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Thảo Như	Nữ	1/2/1997	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
473	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Lê Thị Thanh Như	Nữ	19/1/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					nguyên bị nhiễm chất
474	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Trần Thanh Loan	Nữ	3/12/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
475	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Văn Nguyên	Nam	28/5/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
476	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Trần Ngọc Khánh Linh	Nữ	1/7/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
477	Quảng Trị	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Trương Đức Khuê	Nam	20/5/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thị vị trí CNTT TK	
478	Quảng Trị	Huyện Hướng Hóa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Ngân Hà	Nữ	29/3/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh nghĩa vụ CAND
479	Quảng Trị	Huyện Hướng Hóa	TK kinh tế	Nguyễn Kiều Hưng	Nam	11/6/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
480	Quảng Trị	Huyện Hướng Hóa	TK kinh tế	Hoàng Thị Thanh	Nữ	3/4/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
481	Quảng Trị	Huyện Hướng Hóa	TK kinh tế	Dương Thị Lan Ngọc	Nữ	7/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
482	Thừa Thiên Huế	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Võ Thị Diệu Xuân	Nữ	21/10/1990	Kinh	CS	CD	ĐH					Hoàn thành NVQS
483	Thừa Thiên Huế	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Võ Ngọc Trung	Nam	2/6/1987	Kinh	CS	CD	ĐH					
484	Thừa Thiên Huế	TX Hương Trà	TK kinh tế	Nguyễn Khoa Thảo Nhi	Nữ	10/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
485	Thừa Thiên Huế	TX Hương Trà	TK kinh tế	Trần Thị Thủy Ngọc	Nữ	21/3/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
486	Thừa Thiên Huế	TX Hương Trà	TK kinh tế	Đỗ Thị Hà Giang	Nữ	2/6/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
487	Thừa Thiên Huế	TX Hương Trà	TK kinh tế	Hồ Thiên Tấn	Nam	19/5/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
488	Thừa Thiên Huế	TX Hương Trà	TK kinh tế	Bùi Xuân Phong	Nam	25/7/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
489	Thừa Thiên Huế	TX Hương Trà	TK kinh tế	Phan Duy Hoàng	Nam	29/3/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
490	Thừa Thiên Huế	TX Hương Trà	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	3/1/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
491	Thừa Thiên Huế	TX Hương Trà	TK kinh tế	Hồ Thị Diệu Huyền	Nữ	23/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
492	Thừa Thiên Huế	TX Hương Trà	TK kinh tế	Nguyễn Thị Quý Hiền	Nữ	26/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
493	Thừa Thiên Huế	TX Hương Thủy	TK kinh tế	Huỳnh Đức Việt	Nam	5/11/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
494	Thừa Thiên Huế	TX Hương Thủy	TK kinh tế	Nguyễn Trương Sơn	Nam	23/10/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
495	Thừa Thiên Huế	TX Hương Thủy	TK kinh tế	Võ Hoàng Ánh Dương	Nữ	2/1/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
496	Thừa Thiên Huế	TX Hương Thủy	TK kinh tế	Ngô Thị Ánh	Nữ	14/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
497	Thừa Thiên Huế	Huyện Nam Đông	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	17/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
498	Thừa Thiên Huế	Huyện Nam Đông	TK kinh tế	Cao Hữu Toán	Nam	20/10/1978	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	Cận thương binh
499	Thừa Thiên Huế	Huyện Phú Lộc	TK kinh tế	Nguyễn Thị Nha Trang	Nữ	12/8/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
500	Thừa Thiên Huế	Huyện Phú Lộc	TK kinh tế	Phạm Anh Tuấn	Nam	14/6/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
501	Đà Nẵng	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Phan Thị Thị Thi	Nữ	6/1/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi và tr. CNTT TK	Cận thương binh
502	Đà Nẵng	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Phạm Thị Thanh Tâm	Nữ	30/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi và tr. CNTT TK	
503	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ	4/10/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
504	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Phạm Thị Liên	Nữ	23/8/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
505	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Diệu	Nữ	15/7/1988	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
506	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Lê Thị Hồng Duyên	Nữ	24/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
507	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Hiền	Nữ	5/6/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
508	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Đỗ Thị Thủy Kiều	Nữ	4/1/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
509	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Lưu Thị Thu Hiền	Nữ	19/6/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
510	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Lê	Nữ	3/10/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
511	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Lê Thị Thủy Tiên	Nữ	5/3/1990	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
512	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Cao Vũ Ngọc Ánh	Nữ	11/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
513	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Phú Vinh	Nữ	14/4/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Cận thương binh
514	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Lê Thị Thanh Dung	Nữ	7/7/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
515	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Trần Thuần Nhi	Nữ	3/3/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
516	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Trúc	Nữ	30/5/1997	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
517	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Đoàn Thị Thu Ba	Nữ	5/2/1987	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
518	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Đỗ Thị Bích Thư	Nữ	2/11/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
519	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Khánh Trâm	Nữ	20/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
520	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Mỹ Trang	Nữ	13/8/1983	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điểm ưu tiên
521	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Đoàn Thị Huyền My	Nữ	18/6/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
522	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Vũ Thị Hồng Vũ	Nữ	8/3/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
523	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Đoàn Thị Yên Nhi	Nữ	1/9/1986	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
524	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Vũ Thị Kim Thắm	Nữ	26/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
525	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Phạm Thị Nhị Diệu	Nữ	1/4/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
526	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Lê Thị Thiện Hòa	Nữ	26/5/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
527	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Đỗ Thị Thanh	Nữ	16/1/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
528	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	6/8/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
529	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Đoàn Thị Anh Thư	Nữ	20/5/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
530	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Hồ Thị Hoàng Linh	Nữ	3/2/1993	Kinh	CV	ĐH	ĐH					Con thương binh
531	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nguyễn Hồng Ninh	Nam	4/2/1989	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
532	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Đặng Thị Hoài Nhân	Nữ	9/8/1996	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
533	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Lê Công Hoàng	Nam	8/11/1986	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
534	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Bùi Thị Oanh	Nữ	1/1/1988	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
535	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Lê Thị Hồng Luyến	Nữ	10/3/1996	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
536	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Phạm Thị Kim Loan	Nữ	24/5/1990	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
537	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nguyễn Thị Kiều Quyên	Nữ	10/5/1990	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
538	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	TK kinh tế	Phạm Đình Lý	Nam	22/9/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
539	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	TK kinh tế	Đặng Thị Bích Trâm	Nữ	6/10/1990	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					Con thương binh
540	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Hoàng Vy	Nữ	31/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
541	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Lương	Nữ	27/11/1997	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
542	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Lê Vy	Nữ	27/4/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
543	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	TK kinh tế	Lê Thủy Trang	Nữ	14/8/1991	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					Con thương binh
544	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	TK kinh tế	Ngô Thị Thủy Dung	Nữ	16/7/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
545	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	TK kinh tế	Trần Thị Hoài Thương	Nữ	30/12/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
546	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Minh Tâm	Nữ	12/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
547	Quảng Nam	Huyện Nam Giang	TK xã hội	Phan Thị Phương Thảo	Nữ	1/1/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
548	Quảng Nam	Huyện Nam Giang	TK xã hội	Lê Minh An	Nam	1/1/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
549	Quảng Nam	Huyện Nam Giang	TK xã hội	Nguyễn Thị Mỹ Lan	Nữ	1/8/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
550	Quảng Nam	Huyện Nam Giang	TK xã hội	Chơ Rừn Thương	Nam	15/4/1992	Tà Riềng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển Công DTTS			DTTS
551	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	TK kinh tế	Hồ Thị Tuyết Hoa	Nữ	16/9/1980	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
552	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thủy My	Nữ	18/8/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có Bằng ĐH về Tiếng Anh			
553	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	TK kinh tế	Võ Thị Yên Vi	Nữ	18/9/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
554	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	TK kinh tế	Trần Thị Hà	Nữ	5/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
555	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	TK kinh tế	Lê Văn Nam	Nam	15/4/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
556	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	TK kinh tế	Hồ Phạm Tiến Việt	Nam	8/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
557	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	TK kinh tế	Võ Thị Sen	Nữ	12/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
558	Quảng Nam	Huyện Hiệp Đức	TK xã hội	Trần Thị Năng	Nữ	14/9/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
559	Quảng Nam	Huyện Hiệp Đức	TK xã hội	Trần Việt Thanh	Nam	10/12/1978	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
560	Quảng Nam	Huyện Hiệp Đức	TK xã hội	Huỳnh Hữu Chánh	Nam	1/1/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
561	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Vũ Trần Khánh Doan	Nữ	6/11/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
562	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Hồ Thị Hậu	Nữ	5/9/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
563	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Nguyễn Đức Phú	Nam	24/8/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
564	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Phan Thị Mỹ Linh	Nữ	7/6/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
565	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Nguyễn Thị Khánh Minh	Nữ	6/6/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
566	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Huỳnh Thị Canh Sinh	Nữ	15/10/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
567	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Nguyễn Thị Diễm Phúc	Nữ	1/6/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
568	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Lê Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	29/8/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
569	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Trần Thị Vũ Quỳnh	Nữ	25/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
570	Quảng Nam	Huyện Bắc Trà My	TK kinh tế	Huỳnh Thị Hương	Nữ	2/1/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
571	Quảng Nam	Huyện Bắc Trà My	TK kinh tế	Phan Thị Oanh	Nữ	2/5/1993	Kinh	TKV	DH	DH					
572	Quảng Nam	Huyện Bắc Trà My	TK kinh tế	Đặng Đoàn Vinh	Nam	15/1/1990	Kinh	TKV	DH	DH					
573	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	TK xã hội	Nguyễn Hồng Huy	Nam	2/2/1995	Kinh	TKV	DH	DH					
574	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	TK xã hội	Nguyễn Thị Bích Suong	Nữ	23/10/1991	Kinh	TKV	DH	DH					
575	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	TK xã hội	Trần Phú Vương	Nam	20/10/1992	Kinh	TKV	DH	DH					
576	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	TK xã hội	Huỳnh Thị Thanh Duyên	Nữ	26/3/1996	Kinh	TKV	DH	DH					
577	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	TK xã hội	Nguyễn Văn Thanh	Nam	16/5/1987	Kinh	TKV	DH	DH					
578	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Hoàng Thị Mỹ Linh	Nữ	5/1/1988	Kinh	TKV	DH	DH			Miễn	CB CNTT, TH, Toán Tin	
579	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Trần Thị Thu Hương	Nữ	8/1/1996	Kinh	TKV	DH	DH					Còn thương binh
580	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Nguyễn Thị Thanh Quyên	Nữ	15/8/1991	Kinh	TKV	DH	DH					
581	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Nguyễn Thị Mai	Nữ	12/3/1987	Kinh	TKV	DH	DH					
582	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Lê Thị Minh Dung	Nữ	1/8/1984	Kinh	TKV	DH	DH					
583	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Nguyễn Tuyết Trinh	Nữ	10/6/1991	Kinh	TKV	DH	DH					
584	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Trương Thị Thủy Dương	Nữ	12/2/1989	Kinh	TKV	DH	DH					
585	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Nguyễn Bá An	Nam	9/4/1996	Kinh	TKV	DH	DH					
586	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Trần Thị Mĩ Mĩ	Nữ	8/9/1992	Kinh	TKV	DH	DH					Còn thương binh
587	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Hồ Thị Xuân	Nữ	27/2/1979	Kinh	TKV	DH	DH	Miễn	Có Bằng DH về Tiếng Anh			
588	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Nguyễn Thành Nhân	Nam	13/7/1996	Kinh	TKV	DH	DH					
589	Quảng Nam	Huyện Đông Giang	TK kinh tế	Lê Thị Thanh	Nữ	11/4/1996	Kinh	TKVCD	CB	DH					
590	Quảng Ngãi	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Phương Thủy	Nữ	10/8/1993	kinh	TKV	DH	DH					Còn thương binh
591	Quảng Ngãi	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Bùi Thị Cẩm Thư	Nữ	8/9/1989	kinh	TKV	DH	Thạc sỹ					
592	Quảng Ngãi	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Ngọc Tâm	Nam	17/4/1992	kinh	TKV	DH	DH			Miễn	TC CNTT, TH, Toán Tin	
593	Quảng Ngãi	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Phạm Thị Trúc Qui	Nữ	20/1/1990	kinh	TKV	DH	DH					
594	Quảng Ngãi	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Huỳnh Thị Tường Vy	Nữ	20/9/1996	kinh	TKV	DH	DH					
595	Quảng Ngãi	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Bùi Thị Ngọc Lan	Nữ	20/2/1993	kinh	TKV	DH	DH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
596	Quảng Ngãi	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Trần Thị Bảo Quyên	Nữ	2/6/1988	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Cen đồ của người bị nhiễm chất độc hóa học
597	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Phạm Thị Minh Huyền	Nữ	15/3/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
598	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Trần Thị Thủy Ngọc	Nữ	15/11/1980	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
599	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Huỳnh Tài Tiểu Vy	Nữ	18/8/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
600	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Phạm Đình Anh Tuấn	Nam	25/11/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
601	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Đoàn Đại Dương	Nam	14/9/1985	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
602	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	21/6/1995	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
603	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Lê Tấn Đạt	Nam	29/9/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Hoàn thành NVQS
604	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	TK thương mại	Ngô Vũ Đoàn Thông	Nam	10/9/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
605	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	TK thương mại	Lê Thị Phương	Nữ	12/12/1990	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
606	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Thị Vũ An	Nữ	12/2/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
607	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	TK thương mại	Huỳnh Thị Li Li	Nữ	3/4/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
608	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	TK thương mại	Trương Thị Hồng Hạnh	Nữ	4/9/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
609	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Thị Cẩm Lương	Nữ	16/5/1990	kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
610	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	TK thương mại	Lâm Thị Vi Tuyền	Nữ	3/11/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
611	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	TK thương mại	Trần Thị Diễm Trang	Nữ	1/12/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
612	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	TK thương mại	Đỗ Thị Ngọc	Nữ	14/10/1995	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
613	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	CNTT TK	Tạ Phạm Hoàng Thiên	Nam	16/9/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
614	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	CNTT TK	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam	4/6/1986	kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
615	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	CNTT TK	Nguyễn Thành Dũng	Nam	25/7/1986	kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
616	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	CNTT TK	Nguyễn Thị Bình Minh	Nữ	26/7/1984	kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
617	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	CNTT TK	Đoàn Ngọc Hiệp	Nam	23/6/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
618	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	CNTT TK	Huỳnh Trung Sơn	Nam	17/5/1990	kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
619	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	CNTT TK	Đặng Văn Kiều	Nam	30/3/1989	kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
620	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	CNTT TK	Võ Thị Trà My	Nữ	25/4/1996	kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi vị trí CNTT TK	
621	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	CNTT TK	Võ Kim Ngân	Nữ	28/12/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi vị trí CNTT TK	Con thương binh
622	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Võ Thanh Danh	Nữ	10/3/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
623	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Như Ý	Nữ	21/3/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
624	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Phương Thủy	Nữ	20/8/1987	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
625	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	25/1/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
626	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	4/9/1988	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
627	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Út	Nữ	3/4/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
628	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Trịnh Tấn Nhất	Nam	3/3/1995	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
629	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Phạm Thị Thu Hiền	Nữ	28/3/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
630	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Trần Như Ngân	Nữ	1/1/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
631	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Đào Thị Thanh Thảo	Nữ	25/2/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con người hưởng chính sách như thương binh
632	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Ngọc Trang	Nữ	28/1/1997	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
633	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Trương Thị Lê Nguyễn	Nữ	9/9/1995	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
634	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Vũ Thị Mỹ Duyên	Nữ	9/1/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
635	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hữu Hạnh	Nữ	1/3/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
636	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Ánh Thu Thảo	Nữ	6/8/1986	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
637	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Cao Thị Cẩm Tú	Nữ	1/1/1990	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
638	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Võ Thị Ánh Nguyệt	Nữ	24/10/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
639	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Đặng Thị Nga	Nữ	16/6/1997	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
640	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	6/11/1995	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
641	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Nguyễn Đức Huy	Nam	2/7/1990	kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					
642	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Phạm Thị Vỹ	Nữ	20/10/1990	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
643	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Phan Thị Minh Hiền	Nữ	30/12/1989	kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điểm ưu tiên
644	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Lan	Nữ	29/8/1988	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
645	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Huỳnh Thị Ly	Nữ	7/5/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
646	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Phan Thị Ngọc Trâm	Nữ	2/4/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
647	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Ngô Nữ Kiều Trinh	Nữ	7/6/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
648	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Trương Thị Tuyết	Nữ	9/9/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
649	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Trịnh Thị Ly Ly	Nữ	28/10/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con người hưởng chính sách như thương binh
650	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Đoàn Thị Phương Hằng	Nữ	3/12/1995	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
651	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Đặng Thị Cẩm Tuyên	Nữ	10/2/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
652	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Lệ	Nữ	24/9/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
653	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Đỗ Trần Nhật My	Nữ	2/4/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
654	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	10/11/1990	kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					
655	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Bé	Nữ	7/10/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
656	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Trần Thị Anh Thảo	Nữ	10/4/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
657	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Vương	Nữ	26/9/1989	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
658	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	30/4/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
659	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Võ Phương Vi	Nữ	6/2/1995	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
660	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Lê Thị Thủy Trang	Nữ	20/8/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
661	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Lê Thị Hồng Vân	Nữ	23/2/1996	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
662	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	TK kinh tế	Bùi Thị Quả Hương	Nữ	11/11/1993	kinh	TKVCD	CD	CD					
663	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	TK kinh tế	Trần Thị Thủy Vy	Nữ	24/9/1981	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
664	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	TK kinh tế	Bùi Thanh Tấn	Nam	20/10/1988	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
665	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	TK kinh tế	Bùi Thị Dương Chi	Nữ	24/8/1989	kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
666	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Tuyết Hòa	Nữ	18/4/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con người hưởng chính sách như thương binh
667	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	TK kinh tế	Đỗ Nhi Lê	Nữ	23/4/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
668	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	TK kinh tế	Trương Hải Duyên	Nữ	10/10/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
669	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	TK kinh tế	Trần Thị Ngọc Tinh	Nữ	2/1/1996	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
670	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	TK kinh tế	Nguyễn Thành Tiên	Nam	5/10/1979	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con bệnh binh
671	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thoại Vy	Nữ	3/3/1996	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
672	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	TK kinh tế	Dương Đăng Kiều Ngân	Nữ	18/8/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con người hưởng chính sách như thương binh
673	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	TK kinh tế	Phan Vũ Hạnh	Nữ	28/12/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
674	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	TK kinh tế	Trần Thị Kiều Trinh	Nữ	30/4/1996	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
675	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	TK kinh tế	Lê Thị Như	Nữ	5/1/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
676	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	TK kinh tế	Nguyễn Thành Sang	Nam	20/2/1995	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
677	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tây	TK kinh tế	Nguyễn Chí Thành	Nam	1/2/1988	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
678	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tây	TK kinh tế	Phan Thị Tâm	Nữ	21/2/1996	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
679	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tây	TK kinh tế	Nguyễn Tuấn Đại Dương	Nam	28/10/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
680	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tây	TK kinh tế	Ngô Thị Bích Ngọc	Nữ	30/5/1989	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
681	Quảng Ngãi	Huyện Minh Long	TK kinh tế	Phạm Thị Thủy Dương	Nữ	20/8/1987	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Trẻ thực tế tình nguyện
682	Quảng Ngãi	Huyện Minh Long	TK kinh tế	Trần Thị Phương Minh	Nữ	6/10/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	TC tin học và phòng	
683	Quảng Ngãi	Huyện Minh Long	TK kinh tế	Ngô Thánh Tin	Nam	12/1/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
684	Quảng Ngãi	Huyện Minh Long	TK kinh tế	Huỳnh Thị Tuyền	Nữ	26/7/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
685	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	TK kinh tế	Nguyễn Thị Kim Long	Nữ	15/10/1985	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
686	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	TK kinh tế	Nguyễn Thị Vy	Nữ	10/5/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
687	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	TK kinh tế	Lê Trần Hoài Thương	Nữ	19/4/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
688	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	TK kinh tế	Dương Ngọc Mỹ Hạnh	Nữ	31/12/1990	kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Diện ưu tiên
689	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	TK kinh tế	Nguyễn Thị Ngọc Vỹ	Nữ	30/10/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
690	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	TK kinh tế	Dương Văn Lực	Nam	29/1/1987	kinh	TKV	ĐH	ĐH					Ti thực trẻ sinh nguyên
691	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	TK kinh tế	Trần Thị Thanh Hoa	Nữ	5/3/1986	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
692	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	TK kinh tế	Lê Thị Minh Tâm	Nữ	17/3/1989	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
693	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hiệp	Nữ	2/5/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
694	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	TK kinh tế	Huỳnh Thị Thu Quảng	Nữ	15/10/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
695	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hoàng	Nữ	3/2/1990	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
696	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	TK kinh tế	Đỗ Thạch Thị Tươi	Nữ	30/12/1997	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
697	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	TK kinh tế	Phạm Thị Bảo Yến	Nữ	10/9/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
698	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	TK kinh tế	Trần Thị Phụng	Nữ	20/9/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
699	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	TK kinh tế	Võ Thị Thanh Thủy	Nữ	1/5/1990	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
700	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	TK kinh tế	Nguyễn Cao Thanh Tuyền	Nữ	5/2/1997	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
701	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Nữ	19/10/1997	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
702	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	TK kinh tế	Trần Thị Thiên Hương	Nữ	24/6/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
703	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	TK kinh tế	Huỳnh Thị Thanh Thủy	Nữ	3/8/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
704	Quảng Ngãi	Huyện Ba Tư	TK kinh tế	Hoàng Thị Mỹ Nữ	Nữ	29/8/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
705	Quảng Ngãi	Huyện Ba Tư	TK kinh tế	Bach Thị Kiều Oanh	Nữ	10/1/1990	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
706	Quảng Ngãi	Huyện Ba Tư	TK kinh tế	Nguyễn Thị Lệ Trinh	Nữ	28/2/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
707	Quảng Ngãi	Huyện Ba Tư	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hồng Mên	Nữ	17/12/1983	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
708	Quảng Ngãi	Huyện Ba Tư	TK kinh tế	Dương Thị Ngọc Yến	Nữ	2/4/1990	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
709	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Bach Thị Hà My	Nữ	21/7/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
710	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Phạm Phúc Linh	Nữ	6/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
711	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	11/10/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
712	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	12/3/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
713	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Ngân Ngọc	Nữ	1/7/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
714	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Mai Văn Sơn	Nam	13/1/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
715	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Lê Thị Ngọc Mai	Nữ	6/5/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
716	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Huỳnh Hữu Tín	Nam	1/3/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
717	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	29/5/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TR, Toán Tin	
718	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Trần Đức Mẫn	Nam	31/10/1990	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
719	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Trương Nguyễn Nhật Quỳnh	Nữ	28/10/1997	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
720	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Huỳnh Văn Quang	Nam	28/7/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
721	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Mỹ Nhuận	Nữ	7/5/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
722	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	1/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
723	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Bùi Thành Quý	Nam	14/12/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
724	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Trung Thuận	Nam	6/2/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
725	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Tài Minh Hiền	Nữ	25/10/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
726	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Lê Nguyễn Ngọc Nga	Nữ	20/7/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
727	Bình Định	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Nữ	16/1/1988	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
728	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thương	Nữ	10/3/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
729	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Đào Duy Phước	Nam	15/9/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
730	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Lưu Thị Huyền Trâm	Nữ	19/10/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
731	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Đặng Trần Diệu Hạnh	Nữ	2/6/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
732	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Đổng Thị Thanh Hằng	Nữ	16/1/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
733	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Lê Thị Bích Phương	Nữ	21/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
734	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	Nữ	20/4/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
735	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Trần Thị Liên	Nữ	10/10/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
736	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Đặng Nguyễn Việt Thương	Nữ	23/3/1994	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
737	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Hoàng Hồng Hạnh	Nữ	5/3/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
738	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Nguyễn Phạm Hoàng Mỹ	Nữ	4/1/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

SĐT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
739	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Huỳnh Thị Thủy Triều	Nữ	1/4/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
740	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thu Ngọc	Nữ	22/10/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
741	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Võ Thị Như Quỳnh	Nữ	6/2/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
742	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Đặng Hoàng Khả	Nam	10/4/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
743	Bình Định	TP Quy Nhơn	TK kinh tế	Trần Nữ Thủy Vân	Nữ	17/2/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
744	Bình Định	Huyện Phù Cát	TK kinh tế	Phạm Thị Bích Lê	Nữ	21/2/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
745	Bình Định	Huyện Phù Cát	TK kinh tế	Trương Thị Lan Chi	Nữ	10/7/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
746	Bình Định	Huyện Phù Cát	TK kinh tế	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	1/3/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
747	Bình Định	Huyện Phù Cát	TK kinh tế	Võ Huyền Sâm	Nam	9/3/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
748	Bình Định	Huyện Phù Cát	TK kinh tế	Nguyễn Thị Ý Nhi	Nữ	13/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
749	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Phan Vũ Tâm Quỳnh	Nữ	1/6/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
750	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Huỳnh Thị Ngọc Diễm	Nữ	10/11/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
751	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Huỳnh Thanh Nhã	Nữ	31/3/1988	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ	Miễn	Có Bằng ĐH về Tiếng Anh			
752	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	11/1/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
753	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Trịnh Thị Thanh Thanh	Nữ	16/9/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
754	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Huỳnh Đông Thánh	Nam	15/2/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
755	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Phan Thị Mỹ Duyên	Nữ	1/2/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
756	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	1/4/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
757	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Võ Thị Minh Huyền	Nữ	25/3/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
758	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Cao Thị Bích Liễu	Nữ	1/1/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
759	Phù Yên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	Lê Thị Mỹ Hạnh	Nữ	1/8/1995	Kinh	CS	CD	ĐH					
760	Phù Yên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	Phạm Thị Hồng	Nữ	5/10/1987	Kinh	CS	CD	CD					
761	Phù Yên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	Võ Thị Thanh Hiền	Nữ	15/8/1990	Kinh	CS	CD	ĐH					
762	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Lê Thị Thánh Phương	Nữ	25/12/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
763	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Võ Thị Thanh	Nữ	15/1/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
764	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Ngô Thu Thủy Quy	Nữ	25/9/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
765	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Tường Vy	Nữ	13/8/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
766	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Đặng Thị Xuân Trang	Nữ	11/10/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
767	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Cao Thị Nữ	Nữ	29/3/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
768	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Hoàng Yến	Nữ	15/9/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
769	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Trần Thị Thủy Linh	Nữ	7/12/1992	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
770	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	15/10/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
771	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Nhật Linh	Nữ	2/10/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
772	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Lê Băng Tuyền	Nữ	12/9/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
773	Phù Yên	Huyện Phú Hòa	TK kinh tế	Huỳnh Thị Kim Yến	Nữ	30/10/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
774	Phù Yên	Huyện Phú Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Phương	Nữ	28/12/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
775	Phù Yên	Huyện Phú Hòa	TK kinh tế	Thái Thị Linh	Nữ	11/3/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
776	Phù Yên	Huyện Phú Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hồng Lê	Nữ	8/1/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
777	Phù Yên	Huyện Phú Hòa	TK kinh tế	Bùi Thị Mỹ Lệ	Nữ	25/12/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
778	Phù Yên	Huyện Phú Hòa	TK kinh tế	Đặng Thị Minh Hải	Nữ	20/2/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
779	Phù Yên	Huyện Phú Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Minh Kiều	Nữ	15/10/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
780	Phù Yên	Huyện Phú Hòa	TK kinh tế	Trần Huyền Trân	Nữ	28/5/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
781	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Diên	Nữ	18/3/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
782	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Trần Tuyết Suong	Nữ	2/7/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
783	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Trần Thị Thủy Trúc	Nữ	1/1/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
784	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Trương Trọng Hậu	Nam	8/10/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
785	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Phạm Tấn Hội	Nam	7/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
786	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Việt	Nữ	22/6/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Cơ thương binh
787	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Ngô Thị Xuân	Nữ	18/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
788	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Lê Thị Trúc Ly	Nữ	27/2/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
789	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Ngô Thị Tuyết Quy	Nữ	5/3/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
790	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Út Sòa	Nữ	22/9/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
791	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Trần Thị Hoài Trâm	Nữ	18/1/1992	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
792	Khánh Hòa	Huyện Khánh Vĩnh	Thông kê xã hội	Trần Thị Huệ	Nữ	15/8/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
793	Khánh Hòa	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Lan Thảo	Nữ	22/2/1996	Kinh	TKVCD	CD	CD					
794	Khánh Hòa	Huyện Khánh Vĩnh	TK xã hội	Phí Trọng Nhân	Nam	4/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	CD CNTT, TH, Toán Tin	
795	Khánh Hòa	Huyện Khánh Vĩnh	TK xã hội	Huỳnh Thị Xuân Thuần	Nữ	4/9/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
796	Khánh Hòa	Huyện Diên Khánh	TK kinh tế	Lâm Quang Minh Nhật	Nữ	18/7/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
797	Khánh Hòa	Huyện Diên Khánh	TK kinh tế	Ngô Thị Phương	Nữ	5/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
798	Ninh Thuận	PTK nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	18/6/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
799	Ninh Thuận	PTK nông nghiệp	TK nông nghiệp	Đào Nhật Vũ	Nữ	20/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
800	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	TK kinh tế	Trần Châu Linh	Nữ	10/1/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
801	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	TK kinh tế	Lê Thị Phương Thủy	Nữ	25/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
802	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hồng Nga	Nữ	12/7/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
803	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	TK kinh tế	Nguyễn Huỳnh Quốc Trâm	Nữ	15/10/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
804	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	6/7/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
805	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	TK kinh tế	Mai Thị Minh Trang	Nữ	15/6/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
806	Ninh Thuận	Huyện Bác Ái	TK kinh tế	Hồ Thị Anh Đào	Nữ	12/4/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
807	Ninh Thuận	Huyện Bác Ái	TK kinh tế	Phạm Hương Quỳnh	Nữ	18/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
808	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	TK kinh tế	Lê Thị Ngọc Quý	Nữ	24/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
809	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	29/1/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
810	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	TK kinh tế	Châu Phạm Diệu Hiền	Nữ	4/4/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
811	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	TK kinh tế	Trần Nguyễn Quỳnh	Nam	23/9/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
812	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	TK kinh tế	Quảng Đại Khánh Kỳ	Nam	2/3/1981	Chăm	TKV	ĐH	Thạc sỹ	Miễn	Người DTTS dự tuyển vào DTTS			DTTS
813	Bình Thuận	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Trần Thị Thu	Nữ	10/12/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
814	Bình Thuận	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Trần Ngọc Phương Thanh	Nữ	2/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
815	Bình Thuận	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Huỳnh Thị Thanh Vân	Nữ	23/2/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
816	Bình Thuận	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Ngô Thị Thảo	Nữ	10/1/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
817	Bình Thuận	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Trần Thị Ngọc Duyên	Nữ	8/7/1991	Kinh	KTV	ĐH	Thạc sỹ					
818	Bình Thuận	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Nguyễn Châu Hoàng Anh	Nữ	4/12/1987	Kinh	KTV	ĐH	ĐH	Miễn	Có bằng ĐH về Tiếng Anh			
819	Bình Thuận	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Lê Huỳnh Bảo Trâm	Nữ	5/10/1993	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
820	Bình Thuận	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Trương Thị Minh Trọng	Nữ	23/11/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vụ tại CNTT TK	
821	Bình Thuận	TP Phan Thiết	TK kinh tế	Nguyễn Thanh Sơn	Nam	17/6/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có bằng ĐH về Tiếng Anh			
822	Bình Thuận	TP Phan Thiết	TK kinh tế	Nguyễn Thị Minh Thư	Nữ	28/5/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
823	Bình Thuận	TP Phan Thiết	TK kinh tế	Lê Thị Nhã Uyên	Nữ	1/2/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
824	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	TK kinh tế	Cao Hoài Đức	Nam	15/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	TC CNTT, TH, Toán Tin	
825	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	TK kinh tế	Tổng Tài Ngọc Thảo	Nữ	22/10/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
826	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	TK kinh tế	Lê Thị Kim Oanh	Nữ	16/10/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
827	Bình Thuận	Huyện Bắc Bình	TK kinh tế	Nguyễn Thị Minh Cường	Nữ	24/2/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
828	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	TK kinh tế	Đặng Ngọc Sơn	Nam	15/10/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
829	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	TK kinh tế	Trần Thị Thủy Trang	Nữ	15/10/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
830	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	TK kinh tế	Nguyễn Thị Minh Lan	Nữ	2/4/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
831	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	TK kinh tế	Lê Văn Khuyến	Nam	13/6/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
832	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	TK kinh tế	Nguyễn Thị Mai Thương	Nữ	28/6/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
833	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	TK kinh tế	Phạm Thị Thanh Nguyên	Nữ	30/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
834	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	TK kinh tế	La Thị Hoàng	Nữ	12/2/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
835	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	TK kinh tế	Nguyễn Diệu Hoàn	Nữ	2/2/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
836	Kon Tum	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản cụ	Đoàn Huy Hoàng	Nam	14/10/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DCTS dự tuyển vùng DCTS			Còn để của người bị nhiễm chất độc hóa học
837	Kon Tum	PTK Tổng Hợp	TK tổng hợp - tài khoản cụ	Nguyễn Thị Mai Trinh	Nữ	16/8/1980	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Diện ưu tiên
838	Kon Tum	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	An Thị Thảo Vi	Nữ	20/10/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
839	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Lâm Thị Ái Liên	Nữ	10/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
840	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Đỗ Thị Ngọc Diễm	Nữ	14/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
841	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Phạm Ngọc Hoài	Nam	15/3/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
842	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Thị Hà Vi	Nữ	28/12/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
843	Kon Tum	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Lý Minh Tuyết	Nữ	3/6/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
844	Kon Tum	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Giao Thị Hồng Hiệp	Nữ	9/9/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
845	Kon Tum	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Tiên Trinh	Nam	16/12/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Hoàn thành NVQS
846	Kon Tum	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	18/2/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
847	Kon Tum	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Nữ	16/11/1988	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
848	Kon Tum	Phòng Tổ Chức - Hành Chính	Kế toán	Phạm Hà Hồng Vân	Nữ	15/2/1987	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
849	Kon Tum	Phòng Tổ Chức - Hành Chính	Kế toán	Phan Kim Hưng	Nam	18/7/1995	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
850	Kon Tum	Phòng Tổ Chức - Hành Chính	Văn thư	Huỳnh Thu Hoài Nga	Nữ	14/1/1989	kinh	CV	ĐH	ĐH					
851	Gia Lai	PTK Thương mại	TK thương mại	Tổng Duy Hùng	Nam	3/11/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
852	Gia Lai	PTK Thương mại	TK thương mại	Lê Duy Nam	Nam	26/5/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
853	Gia Lai	PTK Thương mại	TK thương mại	Đặng Thị Diễm Thị	Nữ	11/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
854	Gia Lai	PTK Thương mại	TK thương mại	Lê Thị Thảo Hằng	Nữ	5/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
855	Gia Lai	PTK Thương mại	TK thương mại	Lê Thị Linh	Nữ	3/3/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
856	Gia Lai	PTK Thương mại	TK thương mại	Hoàng Thanh Hòa	Nữ	7/7/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
857	Gia Lai	PTK Thương mại	TK thương mại	Vũ Bá Phương	Nam	26/11/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					Còn bệnh binh
858	Gia Lai	PTK Thương mại	TK thương mại	Lê Huyền Trang	Nữ	27/7/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
859	Gia Lai	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Thu Dung	Nữ	27/12/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
860	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Võ Thị Phùng Thu	Nữ	13/6/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
861	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Đoàn Minh Phương	Nam	16/10/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Hoàn thành NVQS
862	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Đặng Thị Hồng	Nữ	3/2/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
863	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Tô Thanh Liêm	Nam	30/11/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
864	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Đỗ Thị Tuyết	Nữ	3/5/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
865	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Hiền Hòa	Nữ	19/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
866	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Trần Thị Nguyệt	Nữ	15/10/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
867	Gia Lai	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Phạm Linh Tâm	Nam	30/6/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi vị trí CNTT TK	
868	Gia Lai	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Trần Ngọc Hoàng Anh	Nam	29/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi vị trí CNTT TK	
869	Gia Lai	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Tấn Lộc	Nam	30/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS	Miễn	Tại vị trí CNTT TK	
870	Gia Lai	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ksor H'Diễn	Nữ	10/6/1986	J'rai	CS	CĐ	CĐ	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
871	Gia Lai	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nguyễn Thị Hà	Nữ	23/12/1992	Kinh	CS	CĐ	ĐH					
872	Gia Lai	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nguyễn Văn Anh	Nam	8/12/1996	Kinh	CS	CĐ	CĐ					
873	Gia Lai	Thị xã An Khê	TK kinh tế	Trần Thị Hằng Nga	Nữ	15/9/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
874	Gia Lai	Thị xã An Khê	TK kinh tế	Nguyễn Thị Lê Thủy	Nữ	20/11/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
875	Gia Lai	Thị xã An Khê	TK kinh tế	Hồ Thị Xuân Thu	Nữ	8/12/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
876	Gia Lai	Thị xã An Khê	TK kinh tế	Nguyễn Kim Thơm	Nam	22/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
877	Gia Lai	Thị xã An Khê	TK kinh tế	Lục Thị Bích Trâm	Nữ	30/11/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
878	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Nguyễn Thị Lệ	Nữ	11/12/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
879	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Phan Thị Thơm	Nữ	15/1/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
880	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Nữ	24/12/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
881	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Lê Huy Du	Nam	10/1/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
882	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Giang Thị Thủy Linh	Nữ	1/2/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
883	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Lê Hồng Anh Vy	Nữ	6/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
884	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Lê Thị Anh Đào	Nữ	29/12/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
885	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Bùi Thị Lan	Nữ	9/3/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
886	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Đoàn Thị Kim Thuận	Nữ	4/4/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
887	Gia Lai	Huyện Đak Pơ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Mỹ Huệ	Nữ	23/6/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
888	Gia Lai	Huyện Đăk Pô	TK kinh tế	Nguyễn Diệu Hiền	Nữ	20/8/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
889	Gia Lai	Huyện Đăk Pô	TK kinh tế	Vũ Thị Hậu	Nữ	29/8/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
890	Gia Lai	Huyện Phú Thiện	TK kinh tế	Phan Thị Ngọc Bích	Nữ	1/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
891	Gia Lai	Huyện Phú Thiện	TK kinh tế	Lê Thị Huệ	Nữ	10/1/1981	Kinh	TKVCD	CD	ĐH					Con thương binh
892	Gia Lai	Huyện Phú Thiện	TK kinh tế	Vũ Thị Nga	Nữ	9/6/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
893	Gia Lai	Huyện Phú Thiện	TK kinh tế	Nguyễn Tô Thanh Tú	Nữ	17/1/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
894	Gia Lai	Huyện Ia Pa	TK kinh tế	Phan Tường Vi	Nam	2/3/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
895	Gia Lai	Huyện Ia Pa	TK kinh tế	Trương Thị Thanh Liêm	Nữ	24/12/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Tổ CNTT, TH, Toán Tin	
896	Gia Lai	Huyện Ia Pa	TK kinh tế	Phan Thị Hồng Diễm	Nữ	11/9/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
897	Gia Lai	Huyện Kông Chro	TK kinh tế	Hoàng Ngọc Giáp	Nam	2/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
898	Gia Lai	Huyện Kông Chro	TK kinh tế	Trần Huỳnh Trọng	Nam	17/8/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
899	Gia Lai	Huyện Kông Chro	TK kinh tế	Nguyễn Thị Xuân Kiều	Nữ	1/1/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
900	Gia Lai	Huyện Kông Chro	TK kinh tế	Dương Thị Phong Phú	Nữ	1/12/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
901	Gia Lai	Huyện Krông Pa	TK kinh tế	Lê Thị Lý	Nữ	10/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
902	Gia Lai	Huyện Krông Pa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Dăng	Nữ	26/2/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
903	Gia Lai	Huyện Krông Pa	TK kinh tế	Tô Thị Thanh Xuân	Nữ	12/6/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
904	Gia Lai	Huyện Krông Pa	TK kinh tế	Hoàng Thị Thu Mai	Nữ	2/8/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
905	Gia Lai	TP Pleiku	TK kinh tế	Đinh Văn Ngà	Nam	18/6/1988	Kinh	TKVCD	CD	ĐH					
906	Gia Lai	TP Pleiku	TK kinh tế	Phạm Thị Thanh Xuân	Nữ	4/11/1989	Kinh	TKVCD	CD	ĐH					
907	Đăk Lăk	PTK tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Minh Trang	Nữ	1/1/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
908	Đăk Lăk	PTK tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Lê Thu Hằng	Nữ	16/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
909	Đăk Lăk	PTK tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	25/5/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
910	Đăk Lăk	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Dương Thị Ngọc	Nữ	19/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
911	Đăk Lăk	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Bùi Thuý Hằng	Nữ	22/3/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển công DTTS			
912	Đăk Lăk	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Hà Thị Duyên	Nữ	6/11/1989	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển công DTTS			DTTS

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đang lý	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngành đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Đặc ưu tiên
913	Đắk Lắk	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	H Pri Niê K'dăm	Nữ	29/6/1995	Ê - Đê	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Ngành DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
914	Đắk Lắk	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Trinh Thị Ngọc	Nữ	10/5/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
915	Đắk Lắk	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Thuý Tiên	Nữ	24/2/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
916	Đắk Lắk	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Sỹ Long	Nam	19/10/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ quỹ CNTT TK	
917	Đắk Lắk	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Đặng Lê Bảo Châu	Nam	28/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ quỹ CNTT TK	
918	Đắk Lắk	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Đỗ Tiến Đạt	Nam	14/1/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ quỹ CNTT TK	
919	Đắk Lắk	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn Thư	Nguyễn Thị Tuyền	Nữ	20/4/1989	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
920	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	TK kinh tế	Vũ Thị Thanh Thuý	Nữ	23/5/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
921	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	TK kinh tế	Hồ Thị Hồng Trang	Nữ	3/11/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC tiếng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
922	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	TK kinh tế	Lữ Thị Nguyễn Nguyễn	Nữ	8/2/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
923	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Tường Vy	Nữ	2/8/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
924	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	TK kinh tế	Nguyễn Văn Ngọc	Nam	4/10/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
925	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Linh	Nữ	5/10/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC tiếng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
926	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thu Thuý	Nữ	24/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
927	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	TK kinh tế	Bùi Thị Bích Ngọc	Nữ	26/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
928	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Kim Oanh	Nữ	6/10/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
929	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng	TK kinh tế	Bùi Thị Thuý	Nữ	23/4/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
930	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng	TK kinh tế	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	20/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC tiếng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
931	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	TK kinh tế	Nguyễn Thị Minh Tươi	Nữ	29/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
932	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	TK kinh tế	Lê Thị Ngọc Dung	Nữ	19/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
933	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	TK kinh tế	Nguyễn Thị Tư Nhan	Nữ	24/12/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
934	Đắk Lắk	Huyện Krông Bông	TK kinh tế	Nguyễn Văn Thông	Nam	16/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
935	Đắk Lắk	Huyện Krông Bông	TK kinh tế	Nguyễn Thị Bích Liên	Nữ	14/9/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
936	Đắk Lắk	Huyện Krông Bông	TK kinh tế	Hoàng Yến	Nữ	2/5/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
937	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	TK kinh tế	Nguyễn Nhật Hạ	Nữ	30/6/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện vụ dân
938	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	TK kinh tế	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	1/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
939	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	TK kinh tế	Lê Thị Ngọc Lê	Nữ	26/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
940	Đắk Lắk	Huyện EaH'leo	TK kinh tế	Bùi Thị Xuân	Nữ	8/11/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
941	Đắk Lắk	Huyện EaH'leo	TK kinh tế	Trương Công Danh	Nam	2/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
942	Đắk Lắk	Huyện EaH'leo	TK kinh tế	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	1/12/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
943	Đắk Lắk	Huyện CưM'gar	TK xã hội	Cao Hoàng Hậu	Nam	13/7/1993	Kinh	TKVCD	CD	CD					
944	Đắk Lắk	Huyện CưM'gar	TK kinh tế	Nguyễn Hoàng Minh Uyên	Nữ	4/12/1996	Kinh	TKVCD	CD	CD					
945	Đắk Nông	TX Gia Nghĩa	TK kinh tế	Phan Thái Tú Uyên	Nữ	16/12/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
946	Đắk Nông	Huyện Đắk Song	TK kinh tế	Lê Thị Thu Huệ	Nữ	22/5/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
947	Đắk Nông	Huyện Đắk Song	TK kinh tế	Nguyễn Thế Khôi	Nam	1/9/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
948	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức	TK kinh tế	Phạm Minh Mỹ	Nam	3/10/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
949	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức	TK kinh tế	Nguyễn Đoàn Ngọc Trâm	Nữ	26/3/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
950	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức	TK kinh tế	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	9/1/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
951	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức	TK kinh tế	Hoàng Ngọc Khánh	Nam	12/11/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
952	Đắk Nông	Huyện Đắk R'Lấp	TK kinh tế	Đỗ Thị Hồng	Nữ	3/3/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS	Miễn	CD CNTT, TBL Toán Tin	
953	Đắk Nông	Huyện Đắk G'Long	TK kinh tế	Trần Thị Thanh Tâm	Nữ	17/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
954	Đắk Nông	Huyện Đắk G'Long	TK kinh tế	Nghiêm Thị Bích Hạnh	Nữ	10/9/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
955	Đắk Nông	Huyện Đắk G'Long	TK kinh tế	Lê Thị Cẩm	Nữ	20/1/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vùng DTTS			
956	Lâm Đồng	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	22/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
957	Lâm Đồng	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Bach Văn Tường	Nam	11/1/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
958	Lâm Đồng	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Vũ Minh Hùng	Nam	18/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
959	Lâm Đồng	Huyện Đơn Dương	TK kinh tế	Lương Thị Kiều Diễm	Nữ	1/5/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
960	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	TK kinh tế	Hoàng Thị Mộng Hương	Nữ	10/3/1988	Nùng	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Nguồn DTTS dự tuyển vùng DTTS			DTTS
961	Lâm Đồng	Huyện Bảo Lâm	TK kinh tế	Vũ Thị Hằng	Nữ	10/12/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
962	Lâm Đồng	Huyện Đa Huoai	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	15/6/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
963	Lâm Đồng	Huyện Đa Huoai	TK kinh tế	Nguyễn Thị Minh	Nữ	14/12/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Cơ thường binh
964	Lâm Đồng	Huyện Đa Huoai	TK kinh tế	Đàm Thị Hiệp	Nữ	18/7/1992	Tây	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Người DTTS dự tuyển vào DTTS			DTTS
965	Bình Phước	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Phan Thị Thủy	Nữ	5/8/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
966	Bình Phước	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Trịnh Việt Phương	Nam	12/7/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
967	Bình Phước	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Diễm Hương	Nữ	21/2/1993	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					
968	Bình Phước	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Hoàng Minh Thư	Nữ	19/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
969	Bình Phước	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Đương Xuân Tới	Nam	16/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
970	Bình Phước	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Lương Thị Thủy	Nữ	30/4/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
971	Bình Phước	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Đỗ Thị Phương	Nữ	21/8/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
972	Bình Phước	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Đặng Thị Thu Hiệp	Nữ	18/11/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
973	Bình Phước	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Ngô Thị Tô Quyền	Nữ	15/5/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
974	Bình Phước	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Vũ Văn Hiệp	Nam	6/9/1979	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
975	Bình Phước	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Cao Phương	Nam	2/10/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Cơ Đẳng ĐH về Tiếng Anh			
976	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Lê Thị Oanh	Nữ	2/5/1989	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
977	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Đàm Thị Trang	Nữ	21/12/1995	Nùng	CV	ĐH	ĐH					DTTS Cơ thường binh
978	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nguyễn Thị Hoàng	Nữ	20/6/1989	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
979	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	7/2/1989	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
980	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Hoàng Thị Như Quỳnh	Nữ	6/1/1990	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
981	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Nguyễn Thị Minh Hằng	Nữ	1/6/1994	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
982	Bình Phước	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Đinh Văn Thương	Nam	10/4/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thị vị trí CNTT TK	
983	Bình Phước	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Trần Đình Báo	Nam	10/7/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thị vị trí CNTT TK	
984	Bình Phước	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Duy Tân	Nam	25/12/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thị vị trí CNTT TK	
985	Bình Phước	TX Phước Long	TK kinh tế	Hà Thị Phi Yến	Nữ	1/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
986	Bình Phước	TX Phước Long	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Nữ	1/1/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
987	Bình Phước	TX Phước Long	TK kinh tế	Hoàng Thị Họt	Nữ	27/3/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐC CNTT, ĐH, Toán Tin	
988	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	20/6/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
989	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	TK kinh tế	Huỳnh Thị Hoàng	Nữ	30/7/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
990	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	TK kinh tế	Nguyễn Thị Minh Thương	Nữ	20/11/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
991	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Nữ	19/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
992	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	TK kinh tế	Nguyễn Xuân Lộc	Nam	29/12/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
993	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	TK kinh tế	Bùi Thị Ngân	Nữ	1/12/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
994	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	TK kinh tế	Thái Anh Tùng	Nam	12/6/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
995	Bình Phước	Huyện Đồng Phú	TK kinh tế	Hoàng Minh Thảo	Nữ	29/10/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
996	Bình Phước	Huyện Đồng Phú	TK kinh tế	Đào Thị Loan Phương	Nữ	15/3/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
997	Bình Phước	Huyện Đồng Phú	TK kinh tế	Phạm Thị Hồng	Nữ	13/5/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
998	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	TK kinh tế	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	6/5/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
999	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	TK kinh tế	Phan Văn Hiếu	Nam	4/10/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1000	Bình Phước	Huyện Phú Riềng	TK kinh tế	Phùng Ngọc Ánh	Nữ	25/8/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1001	Bình Phước	Huyện Phú Riềng	TK kinh tế	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	10/6/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1002	Bình Phước	PTK Dân số - Văn Xã	TK dân số, văn xã	Lê Thị Diễm Trang	Nữ	26/1/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1003	Bình Phước	PTK Dân số - Văn Xã	TK dân số, văn xã	Võ Thị Hiền	Nữ	20/6/1990	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					
1004	Bình Phước	PTK Dân số - Văn Xã	TK dân số, văn xã	Võ Hà Phương	Nữ	22/9/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
1005	Bình Phước	PTK Dân số - Văn Xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Thúy Mong	Nữ	14/9/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1006	Bình Phước	PTK Dân số - Văn Xã	TK dân số, văn xã	Hồ Thị Mỹ Hiệp	Nữ	26/12/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1007	Tây Ninh	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Trần Văn Anh	Nữ	22/11/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1008	Tây Ninh	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Thị Lý	Nữ	7/7/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1009	Tây Ninh	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Nguyễn Phan Bửu Ngọc	Nữ	10/6/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1010	Tây Ninh	PTK Công - Thương	TK thương mại	Nguyễn Nhật Anh	Nữ	6/12/1993	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					
1011	Tây Ninh	PTK Công - Thương	TK thương mại	Lê Hoàng Anh Tuấn	Nam	20/5/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thí sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1012	Tây Ninh	PTK Công - Thương	TK thương mại	Nguyễn Văn Bé Qui	Nam	17/3/1979	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					
1013	Tây Ninh	PTK Công - Thương	TK thương mại	Đặng Thị Dung	Nữ	8/8/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1014	Tây Ninh	PTK Công - Thương	TK thương mại	Nguyễn Thị Thanh Tiên	Nữ	7/9/1987	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ					
1015	Tây Ninh	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Đình Huy	Nam	27/2/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
1016	Tây Ninh	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Hà Thanh Tuấn	Nam	19/2/1977	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
1017	Tây Ninh	TP Tây Ninh	TK kinh tế	Trần Thanh Duy	Nam	3/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1018	Tây Ninh	TP Tây Ninh	TK kinh tế	Mai Hoàng Phương	Nam	15/12/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	TC CNTT, TH, Toán Tin	
1019	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	TK kinh tế	Ngô Minh Tuấn	Nam	18/5/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1020	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	TK kinh tế	Võ Hà Thu Trang	Nữ	19/7/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1021	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành	TK kinh tế	Nguyễn Hồng Thảo	Nữ	22/6/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1022	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành	TK kinh tế	Lý Dez Phương Thảo	Nữ	26/1/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1023	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành	TK kinh tế	Lê Hồng Hải	Nam	15/5/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1024	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành	TK kinh tế	Nguyễn Thu Thảo	Nữ	8/11/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1025	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	TK kinh tế	Trần Minh Tiên	Nam	3/9/1978	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1026	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	TK kinh tế	Trần Thanh Hoàng	Nam	19/7/1968	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
1027	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	TK kinh tế	Phạm Văn Cường	Nam	15/10/1977	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con bệnh binh
1028	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	TK kinh tế	Tô Trần Duy Phúc	Nữ	18/6/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1029	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	28/2/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1030	Bình Dương	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Quốc Nam	Nam	2/5/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1031	Bình Dương	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Bá Thiện	Nam	19/7/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1032	Bình Dương	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Lương Thị Cúc	Nữ	/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1033	Bình Dương	PTK Thương mại	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Luân Thị Ánh Lan	Nữ	21/10/1978	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1034	Bình Dương	PTK Thương mại	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Phạm Thị Cẩm Vân	Nữ	20/11/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sĩ	Miễn	Tên nghiệp ĐH nước ngoài			
1035	Bình Dương	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Nguyễn Kim Đức	Nam	10/6/1988	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
1036	Bình Dương	TX Tân Uyên	TK kinh tế	Trần Minh Hiếu	Nam	/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện thoại
1037	Bình Dương	TX Tân Uyên	TK kinh tế	Ngô Phương Tiến	Nam	24/9/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1038	Bình Dương	TX Tân Uyên	TK kinh tế	Lê Thị Hạnh	Nữ	8/10/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1039	Bình Dương	Huyện Dầu Tiếng	TK kinh tế	Phan Thị Trà My	Nữ	8/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1040	Bình Dương	Huyện Bắc Tân Uyên	TK kinh tế	Nguyễn Hồng An	Nữ	11/2/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1041	Bình Dương	Huyện Bắc Tân Uyên	TK kinh tế	Bồ Kim Tuyền	Nữ	6/4/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1042	Bình Dương	TP Thủ Dầu Một	TK kinh tế	Nguyễn Tài Quang	Nam	24/7/1995	Kinh	TKVCD	CD	CD					
1043	Bình Dương	TX Bến Cát	TK kinh tế	Dương Văn Năm	Nam	1/7/1994	Kinh	TKVCD	CD	CD					
1044	Đồng Nai	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Vào dự	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	30/6/1990	Kinh	CS	CD	CD					
1045	Đồng Nai	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Kế toán	Cà Thủy Linh	Nữ	27/8/1989	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
1046	Đồng Nai	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Kế toán	Nguyễn Thị Mai	Nữ	28/3/1982	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
1047	Đồng Nai	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Kế toán	Phan Thị Ngọc Ánh	Nữ	1/8/1984	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
1048	Đồng Nai	TP Biên Hòa	TK kinh tế	Phan Huy Hoàng	Nam	25/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1049	Đồng Nai	TP Biên Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	30/6/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1050	Đồng Nai	TP Biên Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	12/9/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1051	Đồng Nai	TP Biên Hòa	TK kinh tế	Bùi Thị Kim Ngân	Nữ	6/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1052	Đồng Nai	TP Biên Hòa	TK kinh tế	Vũ Thị Duyên	Nữ	10/8/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1053	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	TK kinh tế	Nguyễn Văn Bình	Nam	8/9/1975	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1054	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	TK kinh tế	Trần Thị Quỳnh Hoa	Nữ	20/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1055	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	TK kinh tế	Nguyễn Văn Kiên	Nam	17/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1056	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	TK kinh tế	Nguyễn Tả Phong	Nam	2/9/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1057	Đồng Nai	TX Long Khánh	TK kinh tế	Võ Ngọc Diệp	Nam	3/4/1980	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1058	Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	TK kinh tế	Phạm Vũ Cường	Nam	24/6/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1059	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	TK kinh tế	Phạm Thị Thanh	Nữ	25/3/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1060	Đồng Nai	Huyện Định Quán	TK kinh tế	Lê Nguyễn Duy Nhật	Nữ	2/9/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1061	Đồng Nai	Huyện Vĩnh Cửu	TK kinh tế	Lê Thị Thanh Huyền	Nữ	13/5/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngành đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Diện ưu tiên
1062	Bà Rịa Vũng Tàu	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản cụ	Trần Thị Oanh	Nữ	21/6/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1063	Bà Rịa Vũng Tàu	PTK Thương mại	TK thương mại	Phan Thị Kiều Loan	Nữ	3/2/1984	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1064	Bà Rịa Vũng Tàu	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Võ Thị Thanh Đa	Nữ	15/5/1975	Kinh	CS	CB	ĐH					
1065	Bà Rịa Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	TK kinh tế	Trần Thị Thanh Nhân	Nữ	15/7/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1066	Bà Rịa Vũng Tàu	TP Bà Rịa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	16/5/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1067	Bà Rịa Vũng Tàu	TP Bà Rịa	TK kinh tế	Mai Thị Trang	Nữ	20/5/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1068	Bà Rịa Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	TK kinh tế	Bà Thị Thu Trang	Nữ	9/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1069	Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Huỳnh Văn Dương	Nam	8/8/1982	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	Con thương binh
1070	Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Trình Thị Vân Hà	Nữ	26/3/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Co Bảng ĐH về Tiếng Anh			
1071	Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Thế Kỳ	Nam	10/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1072	Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Trần Thị Quỳnh Ngọc	Nữ	20/3/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1073	Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Lê Phương Nam	Nam	6/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1074	Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Vũ Hải Hương	Nữ	11/12/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1075	Hồ Chí Minh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Lý Thị Bích Huyền	Nữ	25/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1076	Hồ Chí Minh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Trương Thị Bích Lệ	Nữ	13/5/1978	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
1077	Hồ Chí Minh	Quận 2	TK kinh tế	Phan Thị Hoài	Nữ	16/12/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1078	Hồ Chí Minh	Quận 2	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hương	Nữ	12/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1079	Hồ Chí Minh	Quận 2	TK kinh tế	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	28/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1080	Hồ Chí Minh	Quận 4	TK kinh tế	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	24/8/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1081	Hồ Chí Minh	Quận 5	TK kinh tế	Vũ Ngọc Quốc Huy	Nam	3/10/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
1082	Hồ Chí Minh	Quận 5	TK kinh tế	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Nữ	28/1/1987	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1083	Hồ Chí Minh	Quận 5	TK kinh tế	Phạm Hoàng Long	Nam	6/8/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1084	Hồ Chí Minh	Quận 5	TK kinh tế	Huỳnh Thị Anh Thư	Nữ	13/10/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1085	Hồ Chí Minh	Quận 5	TK kinh tế	Nguyễn Đức Văn Trường	Nam	27/5/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1086	Hồ Chí Minh	Quận 5	TK kinh tế	Ta Ngọc Hưng	Nam	6/1/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê (tỉnh/thành phố)	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1087	Hồ Chí Minh	Quận 6	TK kinh tế	Nguyễn Chí Cường	Nam	20/8/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1088	Hồ Chí Minh	Quận 6	TK kinh tế	Tổng Thanh Tùng	Nam	20/12/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1089	Hồ Chí Minh	Quận 10	TK kinh tế	Đoàn Trường An	Nam	20/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1090	Hồ Chí Minh	Quận 11	TK kinh tế	Nguyễn Thành Tài Hiền	Nữ	24/12/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1091	Hồ Chí Minh	Quận 11	TK kinh tế	Huỳnh Thị Thanh Trang	Nữ	19/2/1980	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1092	Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	TK kinh tế	Phạm Văn Công	Nam	28/2/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1093	Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	TK kinh tế	Và Tiến Đạt	Nam	22/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1094	Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	TK kinh tế	Hoàng Thanh Sơn	Nam	12/4/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1095	Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	TK kinh tế	Phùng Thị Minh Anh	Nữ	15/10/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1096	Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	TK kinh tế	Mai Thị Quỳnh Hương	Nữ	11/11/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1097	Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	TK kinh tế	Nguyễn Hoàng Anh Linh	Nữ	11/9/1988	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					Con đương biện
1098	Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	TK kinh tế	Lê Thị Ly Ly	Nữ	27/1/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1099	Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	TK kinh tế	Tất Khắc Minh	Nam	6/9/1983	Hoa	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	TC CNTT, TH, Toán Tin	DTTS
1100	Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	TK kinh tế	Nguyễn Thị Vương Châu	Nữ	2/2/1977	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1101	Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	TK kinh tế	Huỳnh Thị Mộng Linh	Nữ	12/12/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có bằng ĐH về Tiếng Anh			
1102	Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	TK kinh tế	Nguyễn Thị Nhân	Nữ	26/6/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1103	Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	TK kinh tế	Trần Thị Thanh Thảo	Nữ	10/3/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1104	Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	TK kinh tế	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	7/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	Con bệnh binh
1105	Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	TK kinh tế	Nguyễn Thị Cẩm Vi	Nữ	10/12/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1106	Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	TK kinh tế	Phan Thị Cẩm Dung	Nữ	20/1/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1107	Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	3/2/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1108	Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	TK kinh tế	Từ Nguyễn Thành Nhân	Nam	12/3/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1109	Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	TK kinh tế	Đặng Thị Hoàng Oanh	Nữ	4/12/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1110	Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	TK kinh tế	Lưu Thị Minh Trí	Nữ	2/3/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	TC CNTT, TH, Toán Tin	
1111	Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	TK kinh tế	Huỳnh Việt Thanh Bình	Nam	7/12/1979	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1112	Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	TK kinh tế	Nguyễn Thị Lanh	Nữ	23/6/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Còn đề của người bị nhiễm chất độc hóa học
1113	Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	TK kinh tế	Ân Văn Lâm	Nam	20/3/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1114	Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thụy Oanh	Nữ	19/9/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1115	Hồ Chí Minh	Huyện Nhà Bè	TK kinh tế	Bùi Thị Kim Dung	Nữ	6/5/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1116	Hồ Chí Minh	Huyện Nhà Bè	TK kinh tế	Trần Thanh Tùng	Nam	3/3/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1117	Hồ Chí Minh	Huyện Cần Giờ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	8/2/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1118	Hồ Chí Minh	Huyện Cần Giờ	TK kinh tế	Đậu Việt Dũng	Nam	28/12/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1119	Long An	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Lê Bá Hà	Nam	15/2/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1120	Long An	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Trịnh Nguyễn Diễm Hương	Nữ	3/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1121	Long An	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Hồ Đỗ Mỹ	Nữ	17/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1122	Long An	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Trần Minh Cường	Nam	20/11/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1123	Long An	PTK Thương mại	TK thương mại	Từ Anh Tuấn	Nam	6/9/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Còn đề của người bị nhiễm chất độc hóa học
1124	Long An	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Đào Diệu Hiền	Nữ	23/9/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1125	Long An	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Lê Thị Thanh Trúc	Nữ	1/7/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1126	Long An	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Trần Thị Ngọc Phương	Nữ	8/1/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1127	Long An	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Võ Tấn Tài	Nam	23/12/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Đã vượt CNTT TK	
1128	Long An	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Thị Hồng Lam	Nữ	9/10/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
1129	Long An	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Lưu Thị Ngọc Lan	Nữ	18/7/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
1130	Long An	Huyện Vĩnh Hưng	TK kinh tế	Võ Anh Tài	Nam	29/4/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1131	Long An	Huyện Mộc Hóa	TK kinh tế	Nguyễn Đỗ Thị Diệu Thuần	Nữ	6/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Còn đề của người bị nhiễm chất độc hóa học
1132	Long An	Huyện Mộc Hóa	TK kinh tế	Võ Thị Bạch Tuyết	Nữ	30/6/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1133	Long An	Huyện Mộc Hóa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thủy Huỳnh	Nữ	13/7/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1134	Long An	Huyện Tân Thành	TK kinh tế	Trần Ngọc Loan	Nữ	1/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1135	Long An	Huyện Thanh Hóa	TK kinh tế	Võ Thị Mỹ Hậu	Nữ	1/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1136	Long An	Huyện Thanh Hóa	TK kinh tế	Trương Thụy Diễm Trinh	Nữ	2/1/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1137	Long An	Huyện Đức Huệ	TK kinh tế	Nguyễn Ngô Văn Anh	Nữ	5/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1138	Long An	Huyện Đức Huệ	TK kinh tế	Dương Thị Kim Quy	Nữ	9/6/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1139	Long An	Huyện Đức Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Cẩm	Nữ	2/1/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1140	Long An	Huyện Bến Lức	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	14/10/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1141	Long An	Huyện Bến Lức	TK kinh tế	Phạm Văn Quốc	Nam	12/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1142	Long An	Huyện Thủ Thừa	TK kinh tế	Phạm Minh Hoàng	Nam	27/5/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Hoàn thành NVQS
1143	Long An	Huyện Tân Trụ	TK kinh tế	Châu Văn Lanh	Nam	28/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1144	Long An	Huyện Cần Đuộc	TK kinh tế	Nguyễn Minh Tuyền	Nam	7/11/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1145	Long An	Huyện Cần Giuộc	TK kinh tế	Đặng Lê Kim Khánh	Nữ	3/9/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1146	Long An	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Nguyễn Trần Trung	Nam	14/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1147	Long An	Huyện Tân Trụ	TK kinh tế	Nguyễn Bảo Trung	Nam	8/5/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1148	Long An	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Xuân Tư	Nữ	21/4/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1149	Long An	TP Tân An	TK kinh tế	Đào Thị Tuyết Mai	Nữ	15/11/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1150	Long An	TP Tân An	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hà Phương	Nữ	1/2/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1151	Long An	TX Kiến Tường	TK kinh tế	Nguyễn Thanh Thảo	Nữ	2/12/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1152	Tiền Giang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Thị Hồng Huệ	Nữ	14/2/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1153	Tiền Giang	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Thị Thanh Ngoan	Nữ	27/4/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1154	Tiền Giang	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Lê Thị Thủy Tiên	Nữ	24/7/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1155	Tiền Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Lê Thị Trúc Linh	Nữ	20/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1156	Tiền Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Nguyễn Vũ Thanh Phương	Nam	22/2/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1157	Tiền Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	28/2/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1158	Tiền Giang	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Nhật Minh	Nam	10/12/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng lý	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1159	Tiền Giang	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Tiến Thịnh	Nam	5/1/1995	Kinh	TKV	DH	DH					
1160	Tiền Giang	PTK Thương mại	TK thương mại	Huỳnh Thanh Phong	Nam	6/12/1982	Kinh	TKV	DH	DH					
1161	Tiền Giang	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Đoàn Thủy Dương	Nữ	14/2/1995	Kinh	TKV	DH	DH					
1162	Tiền Giang	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Xuân Trường	Nam	4/11/1991	Kinh	TKV	DH	DH			Miễn	Thi vị trí CNTT TK	
1163	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	TK kinh tế	Phạm Văn Quốc	Nam	5/6/1985	Kinh	TKV	DH	DH					Còn thương binh
1164	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	TK kinh tế	Lê Thị Cẩm Vân	Nữ	14/10/1980	Kinh	TKV	DH	DH					
1165	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	TK kinh tế	Nguyễn Thị Bảo Chiêu	Nữ	28/10/1994	Kinh	TKV	DH	DH					
1166	Tiền Giang	Huyện Chợ Gạo	TK kinh tế	Lê Hồng Khanh	Nam	8/12/1983	Kinh	TKV	DH	DH					
1167	Tiền Giang	TX Gò Công	TK kinh tế	Huỳnh Minh Quân	Nam	7/11/1990	Kinh	TKV	DH	DH					
1168	Bến Tre	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Võ Hồng Thanh	Nữ	8/7/1983	Kinh	CV	DH	DH			Miễn	CB CNTT, TH, Toán Tin	
1169	Bến Tre	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kê toán	Phạm Thị Ngọc Huyền	Nữ	28/2/1990	Kinh	KTV	DH	DH					
1170	Bến Tre	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Lê Văn Phương	Nam	22/1/1991	Kinh	TKV	DH	DH			Miễn	Thi vị trí CNTT TK	
1171	Bến Tre	TP Bến Tre	TK kinh tế	Khâu Thị Trúc Duyên	Nữ	19/11/1993	Kinh	TKV	DH	DH					
1172	Bến Tre	TP Bến Tre	TK kinh tế	Bùi Thị Lan Uyên	Nữ	17/3/1992	Kinh	TKV	DH	DH					
1173	Bến Tre	TP Bến Tre	TK kinh tế	Lê Thị Minh Phương	Nữ	15/9/1990	Kinh	TKV	DH	DH					
1174	Bến Tre	TP Bến Tre	TK kinh tế	Phạm Dương Phương Thanh	Nữ	27/8/1984	Kinh	TKV	DH	DH			Miễn	DH CNTT, TH, Toán Tin	
1175	Bến Tre	TP Bến Tre	TK kinh tế	Thái Thị Lan	Nữ	10/3/1990	Kinh	TKV	DH	DH					Còn thương binh
1176	Bến Tre	TP Bến Tre	TK kinh tế	Nguyễn Lê Toàn Cẩm Linh	Nữ	28/8/1993	Kinh	TKV	DH	DH					
1177	Bến Tre	TP Bến Tre	TK kinh tế	Huỳnh Thị Trúc Đào	Nữ	17/7/1990	Kinh	TKV	DH	DH					
1178	Bến Tre	TP Bến Tre	TK kinh tế	Trịnh Cẩm Phụng	Nữ	19/10/1984	Kinh	TKV	DH	DH					
1179	Bến Tre	TP Bến Tre	TK kinh tế	Phạm Thị Phương Thúy	Nữ	15/9/1989	Kinh	TKV	DH	DH					
1180	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	TK kinh tế	Huỳnh Văn Nhân	Nam	22/6/1988	Kinh	TKV	DH	DH					
1181	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	TK kinh tế	Nguyễn Thanh Phương	Nam	15/10/1979	Kinh	TKV	DH	DH					Còn thương binh
1182	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Bắc	TK kinh tế	Lê Văn Vũ Linh	Nam	14/5/1993	Kinh	TKV	DH	DH					
1183	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Bắc	TK kinh tế	Nguyễn Thị Kim Hoàn	Nữ	2/10/1989	Kinh	TKV	DH	DH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1184	Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	TK kinh tế	Võ Thị Hồng Cúc	Nữ	18/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1185	Bến Tre	Huyện Bình Đại	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hoàng Huệ	Nữ	15/10/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1186	Bến Tre	Huyện Bình Đại	TK kinh tế	Ngô Thị Ngọc Liễu	Nữ	20/5/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1187	Bến Tre	Huyện Ba Tri	TK kinh tế	Trịnh Thị Kim Yên	Nữ	25/12/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1188	Bến Tre	Huyện Thanh Phú	TK kinh tế	Hồ Thị Thiêm	Nữ	7/3/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1189	Bến Tre	Huyện Thanh Phú	TK kinh tế	Cao Thạch Trung Tín	Nam	26/5/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1190	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Trần Thị Cẩm Tú	Nữ	29/9/1985	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
1191	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Võ Thị Thủy Quyên	Nữ	29/6/1993	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
1192	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Nguyễn Thị Anh Nga	Nữ	6/8/1994	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
1193	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Huỳnh Thị Cẩm Tú	Nữ	17/8/1992	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
1194	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Lâm Thị Pha	Nữ	18/10/1990	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
1195	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Lâm Thị Tú Huyền	Nữ	6/6/1996	Kinh	CS	CD	ĐH					
1196	Trà Vinh	Phòng Thanh Tra Thống kê	CNTT TK	Kim Đức Hiền	Nam	14/9/1991	Khmer	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi vi trí CNTT TK	DTTS
1197	Trà Vinh	Phòng Thanh Tra Thống kê	CNTT TK	Lưu Phương Thảo	Nữ	25/4/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi vi trí CNTT TK	
1198	Trà Vinh	Phòng Thanh Tra Thống kê	CNTT TK	Dương Vi Khang	Nam	4/12/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi vi trí CNTT TK	
1199	Trà Vinh	Phòng Thanh Tra Thống kê	CNTT TK	Đặng Thị Anh Hồng	Nữ	2/6/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thi vi trí CNTT TK	
1200	Trà Vinh	TP Trà Vinh	TK kinh tế	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Nữ	28/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1201	Trà Vinh	TP Trà Vinh	TK kinh tế	Phạm Thị Như Ngọc	Nữ	23/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1202	Trà Vinh	TP Trà Vinh	TK kinh tế	Phạm Thị Hồng Thắm	Nữ	6/5/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1203	Trà Vinh	TP Trà Vinh	TK kinh tế	Lê Thị Mỹ Quyên	Nữ	4/5/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	CD CNTT, TH, Toán Tin	
1204	Trà Vinh	Huyện Càng Long	TK kinh tế	Lê Thị Mỹ Hằng	Nữ	31/10/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1205	Trà Vinh	Huyện Cầu Kè	TK kinh tế	Lê Thanh Ngợi	Nam	19/3/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1206	Trà Vinh	Huyện Cầu Kè	TK kinh tế	Trương Văn Bé Sáu	Nam	20/6/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Cao đẳng của người bị nhiễm chất độc hóa học
1207	Trà Vinh	Huyện Cầu Kè	TK kinh tế	Đỗ Hoàng Giang	Nam	18/11/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngành đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thí sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1208	Trà Vinh	Huyện Cầu Kè	TK kinh tế	Đoàn Thị Minh Tân	Nữ	3/2/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1209	Trà Vinh	Huyện Cầu Ngang	TK kinh tế	Lâm Diễm Trinh	Nữ	29/12/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1210	Trà Vinh	Huyện Cầu Ngang	TK kinh tế	Trần Thị Diễm My	Nữ	17/2/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1211	Trà Vinh	Huyện Cầu Ngang	TK kinh tế	Nguyễn Văn Mười	Nam	15/4/1988	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1212	Trà Vinh	Huyện Cầu Ngang	TK kinh tế	Thạch Ra Quyết	Nam	11/10/1979	Khmer	TKV	ĐH	ĐH					DTTS
1213	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	TK kinh tế	Phan Thị Chính	Nữ	24/6/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1214	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	TK kinh tế	Kim Thành Luân	Nam	20/12/1987	Khmer	TKV	ĐH	Thạc sỹ	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vào DTTS			DTTS
1215	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	TK kinh tế	Trần Quyền	Nam	18/6/1987	Khmer	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có CC bằng DTTS dự tuyển vào DTTS			DTTS
1216	Trà Vinh	Huyện Duyên Hải	TK kinh tế	Huỳnh Trọng Nghĩa	Nam	19/5/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1217	Trà Vinh	TX Duyên Hải	TK kinh tế	Ngô Thanh Tuyền	Nữ	22/5/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Còn thương binh
1218	Trà Vinh	TX Duyên Hải	TK kinh tế	Lê Trung Tính	Nam	18/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Hoàn thành NVQS
1219	Vĩnh Long	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Tôn Thị Hồng Nhung	Nữ	5/9/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1220	Vĩnh Long	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Chí Hùng	Nam	25/12/1980	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1221	Vĩnh Long	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Trần Hoài Bào	Nam	10/11/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1222	Vĩnh Long	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Trần Thị Kim Ngọc	Nữ	23/2/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Còn thương binh
1223	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Lê Thanh Mông	Nam	3/10/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1224	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Nguyễn Huỳnh Thảo Nguyên	Nữ	19/1/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1225	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Nguyễn Hòa Minh	Nam	2/1/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1226	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Bùi Thị Trang	Nữ	28/12/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1227	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Trương Võ Kim Trán	Nữ	20/12/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1228	Vĩnh Long	PTK Thương mại	TK giá, dịch vụ, vận tải, xu	Võ Quốc Anh	Nam	1/1/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1229	Vĩnh Long	PTK Thương mại	TK giá, dịch vụ, vận tải, xu	Nguyễn Bá Đồng	Nam	10/10/1980	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1230	Vĩnh Long	PTK Thương mại	TK giá, dịch vụ, vận tải, xu	Phùng Thị Diễm Kiều	Nữ	1/11/1988	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1231	Vĩnh Long	PTK Thương mại	TK giá, dịch vụ, vận tải, xu	Lê Hữu Nhân	Nam	8/12/1984	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ	Miễn	Có Bằng ĐH về Tiếng Anh			
1232	Vĩnh Long	PTK Thương mại	TK giá, dịch vụ, vận tải, xu	Nguyễn Hoàng Yên	Nữ	8/1/1993	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1233	Vĩnh Long	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Nữ	20/8/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1234	Vĩnh Long	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Kim Diệu	Nữ	12/12/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1235	Vĩnh Long	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Ngọc Anh Xuân	Nữ	26/3/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1236	Đồng Tháp	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Trần Thị Cẩm Giang	Nữ	25/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1237	Đồng Tháp	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Huỳnh Duy Khoa	Nam	31/10/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1238	Đồng Tháp	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Ngô Ngọc Thùy	Nữ	31/10/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1239	Đồng Tháp	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Trịnh Thị Diễm My	Nữ	19/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1240	Đồng Tháp	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Kim Sương	Nữ	1/1/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1241	Đồng Tháp	PTK Thương mại	TK thương mại	Lê Thị Thùy Dương	Nữ	20/8/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1242	Đồng Tháp	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Quốc Thái	Nam	15/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1243	Đồng Tháp	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Trần Hải Quỳnh	Nữ	28/11/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1244	Đồng Tháp	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Lý Thị Thanh Thủy	Nữ	31/1/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Có bằng ĐH về Tiếng Anh			
1245	Đồng Tháp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Lê Thị Minh Diễm	Nữ	17/8/1993	Kinh	KTV	ĐH	ĐH					
1246	Đồng Tháp	Phòng Thanh tra thống kê	CNTT TK	Trần Chí Linh	Nam	1/1/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
1247	Đồng Tháp	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Văn Tâm	Nam	13/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
1248	Đồng Tháp	TX Hồng Ngự	TK kinh tế	Nguyễn Nhật Linh	Nam	15/2/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1249	Đồng Tháp	Huyện Hồng Ngự	TK kinh tế	Phạm Văn Trường An	Nam	19/2/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1250	Đồng Tháp	Huyện Hồng Ngự	TK kinh tế	Huỳnh Thanh Nguyên	Nam	24/1/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1251	Đồng Tháp	Huyện Tam Nông	TK kinh tế	Nguyễn Văn Kiên	Nam	23/8/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1252	Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh	TK kinh tế	Nguyễn Trung Mỹ	Nam	6/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1253	Đồng Tháp	Huyện Lấp Vò	TK kinh tế	Nguyễn Thái Sơn	Nam	24/5/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1254	Đồng Tháp	Huyện Lai Vung	TK kinh tế	Huỳnh Tân Kiệt	Nam	20/5/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1255	An Giang	TP Long Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Đức Thọ	Nam	4/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	TC CNTT, TH, Toán Tin	
1256	An Giang	TP Long Xuyên	TK kinh tế	Trần Minh Phát	Nam	25/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1257	An Giang	TP Long Xuyên	TK kinh tế	Phạm Minh Phương	Nữ	3/2/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điểm ưu tiên
1258	An Giang	TP Long Xuyên	TK kinh tế	Quách Mỹ Thanh	Nữ	14/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1259	An Giang	TP Long Xuyên	TK kinh tế	Lê Duy Linh	Nam	7/3/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1260	An Giang	TP Long Xuyên	TK kinh tế	Lê Thị Diệu Hiền	Nữ	19/8/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1261	An Giang	TP Long Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Nữ	11/4/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
1262	An Giang	TP Long Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Nữ	26/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1263	An Giang	TP Châu Đốc	TK kinh tế	Lê Thị Tố Trinh	Nữ	19/3/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1264	An Giang	TP Châu Đốc	TK kinh tế	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	9/11/1980	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1265	An Giang	TP Châu Đốc	TK kinh tế	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	13/4/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1266	An Giang	TP Châu Đốc	TK kinh tế	Văn Công Nghị	Nam	12/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1267	An Giang	TX Tân Châu	TK kinh tế	Trịnh Thị Ngọc	Nữ	19/9/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1268	An Giang	TX Tân Châu	TK kinh tế	Trương Phúc Hậu	Nam	26/2/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1269	An Giang	TX Tân Châu	TK kinh tế	Phan Thị Kim Như	Nữ	24/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1270	An Giang	Huyện Tịnh Biên	TK kinh tế	Huỳnh Thị Thu Ba	Nữ	01/01/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1271	An Giang	Huyện Tịnh Biên	TK kinh tế	Đỗ Thị Thích	Nữ	01/01/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1272	An Giang	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Châu Thị Mỹ Thơ	Nữ	14/12/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1273	An Giang	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Trần Ngọc Bảo Trân	Nữ	27/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
1274	An Giang	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Trương Hồng Loan	Nữ	3/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1275	An Giang	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Hồ Quốc An	Nam	19/9/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1276	An Giang	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Chế Thị Diễm My	Nữ	12/7/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1277	An Giang	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Lê Nguyễn Phương Lam	Nữ	27/2/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1278	An Giang	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Nguyễn Kim Tuyền	Nữ	10/1/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1279	Kiên Giang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Trần Kim Nguyên	Nữ	12/3/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1280	Kiên Giang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Trần Ngọc Hạnh	Nữ	9/2/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1281	Kiên Giang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Trần Anh Tuấn	Nam	25/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1282	Kiên Giang	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Đỗ Khánh Duy	Nam	26/9/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1283	Kiên Giang	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Dương Thị Tú Trâm	Nữ	8/11/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1284	Kiên Giang	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Huỳnh Thị Chúc Hà	Nữ	23/6/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1285	Kiên Giang	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Lê Thị Mỹ Hiền	Nữ	30/7/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1286	Kiên Giang	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Đỗ Thị Thu Hiền	Nữ	23/1/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1287	Kiên Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Lê Thị Hồng Ân	Nữ	20/9/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	Miễn	Co Bằng ĐH về Tiếng Anh			
1288	Kiên Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Vũ Thị Ngọc	Nữ	5/7/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Con thương binh
1289	Kiên Giang	TP Hà Tiên	TK kinh tế	Trần Thanh Bình	Nam	2/11/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1290	Kiên Giang	TP Hà Tiên	TK kinh tế	Lâm Hoàng Huy	Nam	19/5/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1291	Kiên Giang	Huyện Kiên Lương	TK kinh tế	Trịnh Thị Thụy Lài	Nữ	15/10/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1292	Kiên Giang	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Phan Kim Hồng	Nữ	5/10/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1293	Kiên Giang	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Phan Mạnh Đức	Nam	26/9/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1294	Kiên Giang	Huyện Giồng Riềng	TK kinh tế	Danh Hoàng Thông	Nam	6/10/1989	Kho me	TKV	ĐH	ĐH					DTTS
1295	Kiên Giang	Huyện An Biên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Tuyền	Nữ	1/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1296	Kiên Giang	Huyện An Biên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thủy My	Nữ	17/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1297	Kiên Giang	Huyện An Biên	TK kinh tế	Trần Hồng Thảo	Nữ	26/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1298	Kiên Giang	Huyện An Minh	TK kinh tế	Trương Thanh Ly	Nam	16/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1299	Kiên Giang	Huyện An Minh	TK kinh tế	Phạm Hoàng Tân	Nam	15/10/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1300	Kiên Giang	Huyện An Minh	TK kinh tế	Lê Thị Nữ	Nữ	21/5/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1301	Kiên Giang	Huyện Vĩnh Thuận	TK kinh tế	Bùi Lili Pin	Nam	22/12/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1302	Kiên Giang	Huyện U Minh Thượng	TK kinh tế	Trần Thị Diễm Hương	Nữ	25/12/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1303	Cần Thơ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Trần Hữu Lộc	Nam	26/2/1996	Kinh	CV	ĐH	ĐH					
1304	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	TK kinh tế	Trần Anh Thơ	Nữ	8/9/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1305	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	TK kinh tế	Võ Hoàng Bao	Nam	3/5/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1306	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	TK kinh tế	Nguyễn Trương Thủy Trang	Nữ	22/4/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1307	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	TK kinh tế	Nguyễn Thanh Thiên	Nam	30/8/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1308	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	TK kinh tế	Trần Thị Mông Thanh	Nữ	11/1/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1309	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	TK kinh tế	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Nữ	27/4/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1310	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	TK kinh tế	Phan Văn Hiền	Nam	10/3/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1311	Hầu Giang	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	Nữ	17/7/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1312	Hầu Giang	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Nữ	12/6/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1313	Hầu Giang	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Trần Ngọc Huyền	Nữ	7/1/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1314	Hầu Giang	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Trần Thị Diệu Hiền	Nữ	1/7/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1315	Hầu Giang	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Nữ	8/11/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1316	Hầu Giang	TP Vị Thanh	TK kinh tế	Phạm Thanh Trúc	Nữ	11/11/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1317	Hầu Giang	TP Vị Thanh	TK kinh tế	Ngô Thị Kiều Diễm	Nữ	8/10/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1318	Hầu Giang	TP Vị Thanh	TK kinh tế	Nguyễn Văn Hàng	Nam	5/2/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1319	Hầu Giang	TP Vị Thanh	TK kinh tế	Nguyễn Kiều Trang	Nữ	1/1/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1320	Hầu Giang	TP Vị Thanh	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thủy Liễu	Nữ	12/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1321	Hầu Giang	TP Vị Thanh	TK kinh tế	Nguyễn Thị Bích Thủy	Nữ	7/8/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1322	Hầu Giang	TP Vị Thanh	TK kinh tế	Cao Văn Hoài	Nam	6/9/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1323	Hầu Giang	TX Ngã Bảy	TK kinh tế	Lý Kim Tuyền	Nữ	10/9/1987	Hoa	TKV	ĐH	ĐH					ĐTTS
1324	Hầu Giang	TX Ngã Bảy	TK kinh tế	Nguyễn Khánh Duy	Nam	1/12/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1325	Hầu Giang	Huyện Châu Thành A	TK kinh tế	Đỗ Văn Tót Lân	Nam	4/10/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1326	Hầu Giang	Huyện Châu Thành A	TK kinh tế	Mai Khưu Tân	Nam	26/9/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1327	Hầu Giang	Huyện Châu Thành A	TK kinh tế	Nguyễn Ngọc Mai	Nữ	3/10/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1328	Hầu Giang	Huyện Phụng Hiệp	TK kinh tế	Lê Hồng Minh	Nam	5/12/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1329	Hầu Giang	Huyện Phụng Hiệp	TK kinh tế	Dương Văn Tính	Nam	24/9/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1330	Hầu Giang	Huyện Vị Thủy	TK xã hội	Đỗ Thanh Toàn	Nam	11/7/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	TC CNTT, TH, Toàn Tin	
1331	Hầu Giang	TX Long Mỹ	TK kinh tế	Lý Hoàng Mai	Nữ	1/9/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1332	Hậu Giang	TX Long Mỹ	TK kinh tế	Nguyễn Ngọc Hiến	Nam	16/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Hoàn thành nghĩa vụ CAND
1333	Hậu Giang	TX Long Mỹ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Kim Châu	Nữ	27/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1334	Sóc Trăng	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Đặng Thị Thanh Thủy	Nữ	19/10/1990	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1335	Sóc Trăng	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Đỗ Thị Thủy Dương	Nữ	30/8/1987	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1336	Sóc Trăng	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Kim Lý Trường Hải	Nữ	17/12/1988	Khmer	TKV	ĐH	Thạc sỹ					DTTS
1337	Sóc Trăng	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Mã Ngọc Nhi	Nữ	5/1/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1338	Sóc Trăng	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Diễm My	Nữ	2/4/1989	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1339	Sóc Trăng	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Trần Thị Thu Phương	Nữ	10/10/1989	kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	CĐ CNTT, TH, Toán Tin	
1340	Sóc Trăng	TP Sóc Trăng	TK kinh tế	Võ Cẩm Tú	Nữ	25/11/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1341	Sóc Trăng	TP Sóc Trăng	TK kinh tế	Thái Quốc Đạt	Nam	15/11/1992	Khmer	TKV	ĐH	ĐH					DTTS
1342	Sóc Trăng	TX Ngã Năm	TK kinh tế	Trần Thị Cẩm Duyên	Nữ	9/1/1993	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1343	Sóc Trăng	TX Vĩnh Châu	TK kinh tế	Lê Hoàng Long	Nam	22/12/1994	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1344	Sóc Trăng	TX Vĩnh Châu	TK kinh tế	Mai Vũ Quang	Nam	22/11/1988	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1345	Sóc Trăng	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Trần Thị Út Thi	Nữ	25/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1346	Sóc Trăng	Huyện Châu Thành	TK kinh tế	Phạm Hoàng Mỹ Nhiên	Nữ	30/8/1988	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1347	Sóc Trăng	Huyện Kế Sách	TK kinh tế	Vũ Thị Loan	Nữ	28/1/1991	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1348	Sóc Trăng	Huyện Long Phú	TK kinh tế	Đặng Thị Trang	Nữ	20/11/1987	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1349	Sóc Trăng	Huyện Long Phú	TK kinh tế	Đỗ Xuân Khánh	Nam	23/9/1992	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1350	Sóc Trăng	Huyện Long Phú	TK kinh tế	Nguyễn Thị Ý Nguyễn	Nữ	9/10/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1351	Sóc Trăng	Huyện Long Phú	TK kinh tế	Võ Hồng Mỹ Nhân	Nữ	27/7/1989	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1352	Sóc Trăng	Huyện Trần Đề	TK kinh tế	Đặng Phương Thảo	Nữ	20/9/1987	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1353	Sóc Trăng	Huyện Trần Đề	TK kinh tế	Trần Thị Cẩm Hồng	Nữ	21/3/1987	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1354	Sóc Trăng	Huyện Thạnh Trị	TK kinh tế	Nguyễn Thị Bích Diễm	Nữ	24/11/1988	kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1355	Sóc Trăng	Huyện Mỹ Xuyên	TK kinh tế	Vương Hồng Trúc	Nữ	8/5/1985	kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1356	Sóc Trăng	Huyện Mỹ Xuyên	TK kinh tế	Danh Chí Phong	Nam	16/5/1991	Khmer	TKV	ĐH	ĐH					DTTS
1357	Bạc Liêu	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Thị Lan	Nữ	17/5/1979	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1358	Bạc Liêu	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Mỹ Ngân	Nữ	17/3/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1359	Bạc Liêu	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Lê Thị Diễm My	Nữ	20/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1360	Bạc Liêu	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Trịnh Trường Giang	Nam	3/10/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1361	Bạc Liêu	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Phạm Ngọc Thủy	Nam	5/1/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1362	Bạc Liêu	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Phạm Thanh Bạch	Nam	1/1/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1363	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Đoàn Thị Cúc Hương	Nữ	4/5/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1364	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Lê Hải Vân	Nữ	1/9/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1365	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Trịnh Thị Dung	Nữ	20/4/1979	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1366	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Trần Ngọc Hải	Nam	26/10/1995	Kinh	TKVCD	CD	CD					
1367	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Đàm Quang Văn	Nam	10/1/1991	Nùng	TKV	ĐH	ĐH					DTTS
1368	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Đỗ Như Ngọc	Nữ	17/10/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1369	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Võ Ngọc Huyền Hân	Nữ	8/2/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1370	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Lê Thị Từ Anh	Nữ	1/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1371	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Thị Thu Thủy	Nữ	23/2/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1372	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Lương Anh Đạt	Nam	2/10/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1373	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Lý Hồng Thanh	Nữ	1/9/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1374	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Trịnh Quốc Huy	Nam	6/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1375	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Đặng Kim Thêu	Nữ	12/12/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1376	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Nguyễn Thành Đạt	Nam	29/3/1991	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1377	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Trần Anh Triều	Nam	24/7/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1378	Bạc Liêu	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Dương Hón Cường	Nam	17/11/1990	Hoa	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	DTTS
1379	Bạc Liêu	Phòng Thanh tra thống kê	CNTT TK	Nguyễn Minh Thuận	Nam	14/11/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	
1380	Bạc Liêu	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Hoàng Khánh	Nam	1/1/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vị trí CNTT TK	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1381	Bạc Liêu	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Huỳnh Anh Đạt	Nam	27/1/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vụ tại CNTT TK	
1382	Bạc Liêu	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Hoàng Trọng Khánh	Nam	13/10/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vụ tại CNTT TK	
1383	Bạc Liêu	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Văn Chiêu	Nam	1/1/1985	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thủ vụ tại CNTT TK	
1384	Bạc Liêu	Huyện Phước Long	TK kinh tế	Phan Thị Quỳnh Giao	Nữ	17/11/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1385	Bạc Liêu	Huyện Phước Long	TK kinh tế	Ngô Thị Kiêm	Nữ	1/1/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1386	Bạc Liêu	Huyện Vĩnh Lợi	TK kinh tế	Lê Văn Quý	Nam	7/11/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1387	Bạc Liêu	Huyện Vĩnh Lợi	TK kinh tế	Nguyễn Kim Phương	Nữ	30/5/1982	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1388	Bạc Liêu	Huyện Hòa Bình	TK xã hội	Lê Xuân Tùng	Nam	1/7/1996	Kinh	TKVCD	CD	CD					
1389	Bạc Liêu	TX Giá Rai	TK kinh tế	Bùi Anh Dũng	Nam	5/6/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1390	Bạc Liêu	TX Giá Rai	TK kinh tế	Bùi Thị Hải	Nữ	10/9/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1391	Cà Mau	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Ngô Thị Phương Thảo	Nữ	10/7/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1392	Cà Mau	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản qu	Phạm Ngọc Khéo	Nữ	15/3/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1393	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Trần Hoài Hân	Nam	23/10/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
1394	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Dương Ngọc Đào	Nữ	5/5/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1395	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Minh Thiện	Nam	20/3/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1396	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Phạm Cẩm Đan	Nữ	26/8/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1397	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Đinh Thị Thủy Dương	Nữ	17/6/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Cơ bản bình
1398	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	27/7/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1399	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Liều Hoàng Anh	Nam	18/5/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1400	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Lê Khắc Vũ Lam	Nam	23/7/1993	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1401	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Đặng Thành Danh	Nam	23/9/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1402	Cà Mau	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Nguyễn Phú Kha	Nữ	6/8/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1403	Cà Mau	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Vũ Thị Tu	Nữ	26/4/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1404	Cà Mau	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Hồ Thị Cẩm Nhung	Nữ	16/1/1989	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1405	Cà Mau	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK công nghiệp	Châu Hồng Thu	Nữ	19/5/1986	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Miễn Tiếng Anh	Lý do miễn Tiếng Anh	Miễn Tin học	Lý do miễn Tin học	Điện ưu tiên
1406	Cà Mau	PTK Công nghiệp - Xây dựng	TK xây dựng, vốn đầu tư	Nguyễn Trường Hân	Nam	3/10/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Cao thường binh
1407	Cà Mau	PTK Thương mại	TK Thương mại	Đinh Hồng Anh	Nữ	27/12/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1408	Cà Mau	PTK Thương mại	TK thương mại	Kiều Cẩm Vân	Nữ	1/1/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1409	Cà Mau	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Thủy Huỳnh	Nữ	16/10/1988	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ					
1410	Cà Mau	PTK Thương mại	TK thương mại	Võ Kiều Diễm	Nữ	24/8/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Trí thức trẻ tỉnh nguyên
1411	Cà Mau	PTK Thương mại	TK thương mại	Phạm Thị Tuyết Nhi	Nữ	7/3/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1412	Cà Mau	PTK Thương mại	TK thương mại	Trịnh Ngọc Triều	Nam	11/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1413	Cà Mau	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Quách Hữu Dụng	Nam	16/11/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thị vị trí CNTT TK	
1414	Cà Mau	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Già Thanh Nhà	Nam	8/2/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thị vị trí CNTT TK	
1415	Cà Mau	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Trương Văn Thới	Nam	1/1/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thị vị trí CNTT TK	
1416	Cà Mau	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Hồ Hồng Linh	Nam	15/1/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	Thị vị trí CNTT TK	Cao thường binh
1417	Cà Mau	Huyện Thới Bình	TK kinh tế	Trần Thị Huyền Trân	Nữ	4/6/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1418	Cà Mau	Huyện Thới Bình	TK kinh tế	Chung Trần Đăng	Nam	9/10/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	CĐ CNTT, TH, Toán Tin	Trí thức trẻ tỉnh nguyên
1419	Cà Mau	Huyện Cái Nước	TK xã hội	Hồ Tuấn Anh	Nam	4/4/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1420	Cà Mau	Huyện Phú Tân	TK xã hội	Trần Minh Hoàng	Nam	2/8/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1421	Cà Mau	Huyện Phú Tân	TK xã hội	Trần Thị Nhung	Nữ	16/8/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					Trí thức trẻ tỉnh nguyên
1422	Cà Mau	Huyện Năm Căn	TK xã hội	Trần Minh Hiếu	Nam	25/1/1987	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1423	Cà Mau	Huyện Năm Căn	TK xã hội	Võ Trọng Nguyễn	Nam	12/1/1989	Kinh	TKV	ĐH	ĐH			Miễn	ĐH CNTT, TH, Toán Tin	
1424	Cà Mau	Huyện Năm Căn	TK xã hội	Tô Mỹ Ý	Nữ	19/4/1995	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					
1425	Cà Mau	Huyện Ngọc Hiển	TK kinh tế	Lâm Văn Tý	Nam	3/4/1981	Kinh	TKV	ĐH	ĐH					

Viết tắt trong biểu:

TK:	Thống kê	ĐH:	Đại học
TKV:	Thống kê viên	CĐ:	Cao đẳng
TKVCD:	Thống kê viên cao đẳng	DTS:	Dân tộc thiểu số
		CNTT:	Công nghệ thông tin

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2019 CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ

(Kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-BKHĐT ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Cục Thống kê	Phòng/Chi cục	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Năm sinh	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thí sinh	Ngành đào tạo trên bằng theo yêu cầu của vị trí	Chuyên Ngành trên bằng điểm theo yêu cầu của vị trí	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ Tin học	Lý do không đủ điều kiện	Ghi chú
1	Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Hoa	1989	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh công nghiệp	A2	Chuẩn cơ bản TT 03	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
2	Hà Giang	Huyện Yên Minh	TK kinh tế	Nguyễn Thị Ngọc Trang	1996	TKV	ĐH	ĐH	Thống kê kinh tế	Thống kê kinh doanh	TOEIC 400 trở lên	B	Chưa có giấy chứng nhận tạm thời (nộp giấy xác nhận hoàn thành các môn học)	
3	Lai Châu	Phòng TK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Nguyễn Long An	1988	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế Tài nguyên, môi trường	Ngành Kinh tế Tài nguyên, môi trường	Bậc 2 khung năng lực VN	Chứng chỉ UDCNTT cơ bản	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
4	Lai Châu	Phòng TK Nông nghiệp	TK Nông nghiệp	Trần Phương Thảo	1992	TKV	ĐH	Thsỹ	Khoa học Đất	Khoa học đất	B1	Chuẩn cơ bản TT 03	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
5	Cao Bằng	PTK Công - Thương	TK giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	Đinh Trường Giang	1995	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Quản lý Kinh tế	TOEIC 400 trở lên	Chuẩn cơ bản TT 03	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
6	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	TK công nghiệp	Phạm Thị Mai Linh	1995	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Quản lý Kinh tế	A2	Khác	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
7	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	TK nông nghiệp	Trần Thị Thúy Hà	1992	TKV	ĐH	Thsỹ	Kinh doanh Nông nghiệp	Ngành Kinh doanh Nông Nghiệp	B	Chuẩn cơ bản TT 03	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
8	Sơn La	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	Trịnh Thủy Dương	1996	KTV	ĐH	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	Tài chính -kế toán	Không có	Không có	Không có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ	
9	Sơn La	Huyện Phù Yên	TK kinh tế	Nguyễn Thị Nương Quỳnh	1992	TKV	ĐH	ĐH	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	B	Chuẩn cơ bản TT 03	Chưa có giấy chứng nhận tạm thời (nộp giấy xác nhận hoàn thành các môn học)	
10	Sơn La	PTK Thương mại	TK thương mại	Vũ A Sà	1994	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Quản lý Kinh tế	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
11	Sơn La	PTK Thương mại	TK thương mại	Vũ Thanh Hương	1987	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Quản lý Kinh tế	C	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
12	Sơn La	PTK Thương mại	TK thương mại	Nguyễn Thị Hà My	1990	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Kinh tế Thương mại	C	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	

STT	Cục Thống kê	Phòng/Chi cục	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Năm sinh	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Ngành đào tạo trên bằng theo yêu cầu của vị trí	Chuyên ngành trên bằng điểm theo yêu cầu của vị trí	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ Tin học	Lý do không đủ điều kiện	Ghi chú
13	Thái Nguyên	Huyện Đình Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Quế	1984	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Quản lý Kinh tế	Bậc 2 khung năng lực VN	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
14	Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	TK kinh tế	Nguyễn Trung Giang	1995	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Quản lý Kinh tế	B	IC3	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
15	Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	TK kinh tế	Long Quốc Hưng	1993	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Quản lý Kinh tế	TOEFL 337 PBT trở lên	IC3	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
16	Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	TK kinh tế	Trịnh Huy Hoàng	1991	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Quản lý Kinh tế	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
17	Lang Son	Huyện Hữu Lũng	TK kinh tế	Trần Quý Nam	1991	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh công nghiệp	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
18	Quảng Ninh	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Hoàng Thị Diệu Hoa	1994	TKV	ĐH	ĐH	Tái chính-Ngân hàng	Thẩm định giá	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
19	Nam Định	Huyện Xuân Trường	TK kinh tế	Phạm Ngọc Quý	1993	TKVCD	CD	CD	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
20	Nam Định	Huyện Ý Yên	TK kinh tế	Phạm Duy Mạnh	1995	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Kinh tế thương mại	B1	Khac	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
21	Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	TK kinh tế	Phan Thị Huyền Chi	1989	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhân lực	B	C	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
22	Hưng Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Vũ Thúy Hà	1993	TKV	ĐH	ĐH	Tái chính-Ngân hàng	Kinh doanh chứng khoán	B	Chuẩn cơ bản TT 03	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
23	Nghệ An	Huyện Quế Phong	TK kinh tế	Lê Văn Ty	1990	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Quản lý Kinh tế	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
24	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	TK kinh tế	Huỳnh Ngọc Tau Phương	1992	TKV	ĐH	ĐH	Quản lý kinh tế	Quản lý Kinh tế	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
25	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khoản quốc gia	Hoàng Lê Phương Thảo	1993	TKV	ĐH	Thsỹ	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	C	B	Không đủ điều kiện dự thi	
26	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài khác	Nguyễn Thị Niềm	1990	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh Du lịch - Dịch vụ	C	KTV	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
27	Quảng Trị	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Nguyễn Phong	1983	TKV	ĐH	Thsỹ	Sư phạm tin học	Sư phạm Tin học	ĐH	ĐH	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	

STT	Cục Thống kê	Phòng/Chi cục	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Năm sinh	Ngành đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Ngành đào tạo trên bằng theo yêu cầu của vị trí	Chuyên ngành trên bằng điểm theo yêu cầu của vị trí	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ Tin học	Lý do không đủ điều kiện	Ghi chú
28	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	TK kinh tế	Lê Thu Trang	1992	TKV	DH	DH	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	B	B	Không đủ điều kiện dự thi	
29	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thu Thủy	1990	TKV	DH	DH	Kế toán	Ngành: Kế toán	B	Khác	Thiếu CC Tin học B (nộp Tin học kế toán máy)	
30	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	TK xã hội	Huỳnh Thị Ngọc Loan	1988	TKV	DH	DH	Quản trị kinh doanh (Quản trị nhân lực)	Ngành: Quản trị kinh doanh - Quản trị nhân lực	B	A	Chứng chỉ Tin học A) - Chuyên ngành không đúng vị trí việc làm	
31	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Nguyễn Thị Thủy Diễm	1984	TKV	DH	Ths9	Kinh tế Nông Lâm	Ngành Kinh tế Nông Lâm	DH	Không có	Thiếu CC Tin học	
32	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Nguyễn Tấn Dương	1991	CV	DH	DH	Hành Chính Học	Quản Lý Công	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
33	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	TK kinh tế	Đinh Tấn Lương	1995	TKV	DH	DH	Tài chính-Ngân hàng	Hải Quan	C	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
34	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	TK kinh tế	Phạm Thanh Hà	1990	TKV	DH	DH	Toán ứng dụng	Toán- tin	Khác	DH	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
35	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Vương Thị Loan	1988	TKV	DH	DH	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	B	Khác	Thiếu CC Tin học B (nộp bằng trung cấp tin học, tài chính kế toán)	
36	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Nguyễn Thị Cẩm Tuyền	1987	TKV	DH	DH	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp	B	Khác	Thiếu CC Tin học B (nộp Tin học kế toán máy)	
37	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	TK kinh tế	Trần Thị Mỹ Linh	1992	TKV	DH	DH	Kinh tế và quản lý công	Kinh tế và quản lý công	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
38	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	TK kinh tế	Trương Thị Hoàng Vy	1993	TKV	DH	DH	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh marketing	C	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
39	Phù Yên	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Trần Thị Thanh Hằng	1991	TKV	DH	DH	Kinh tế	Ngành Kinh tế	B	B	Không bổ sung xác nhận chuyển ngành của cơ sở đào tạo	
40	Phù Yên	Huyện Đông Hòa	TK kinh tế	Trần Ngọc Hiệp	1992	TKV	DH	DH	Kinh tế	Kinh tế tài nguyên môi trường	B	Chuẩn cơ bản TT 03	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
41	Phù Yên	TP Tuy Hòa	TK kinh tế	Huỳnh Thị Hoàng Dung	1990	TKV	DH	DH	Quản lý công nghiệp -Quản trị kinh doanh	công nghiệp - Quản trị kinh doanh	DH	Chuẩn cơ bản TT 03	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
42	Khánh Hòa	TX Ninh Hòa	TK kinh tế	Trương Nữ Nguyễn Thái	1995	TKVCD	CD	CD	Kế toán	Ngành: Kế toán	B	Chuẩn cơ bản TT 03	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	

STT	Cục Thống kê	Phòng/Chi cục	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Năm sinh	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Ngành đào tạo trên bằng theo yêu cầu của vị trí	Chuyên Ngành trên bằng điểm theo yêu cầu của vị trí	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ Tin học	Lý do không đủ điều kiện	Ghi chú
43	Khánh Hòa	TX Ninh Hòa	TK kinh tế	Nguyễn Thị Nưc Hoa	1982	TKVCD	CD	ĐH	Kinh tế	Kinh tế-Luật	B	TC	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
44	Ninh Thuận	PTK nông nghiệp	TK nông nghiệp	Nguyễn Thị Hoa	1994	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế	Kinh tế tài nguyên môi trường	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
45	Bình Thuận	TP Phan Thiết	TK kinh tế	Trần Lê Thị Kim Khánh	1983	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh		B	B	Không nộp bằng điểm	
46	Gia Lai	Phòng Thanh tra Thống kê	CNTT TK	Phạm Thị Loan	1990	TKV	ĐH	ĐH	Công nghệ thông tin	Tin tức địa	B	ĐH	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
47	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Huỳnh Thị Kim Ngân	1990	TKV	ĐH	Thạc	Kinh tế xây dựng	Kinh tế xây dựng và QLDA	C	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
48	Gia Lai	Huyện Chư Prông	TK kinh tế	Nguyễn Quốc Hoàng	1987	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản trị nhà hàng - KS	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
49	Gia Lai	PTK Thương mại	TK thương mại	Phạm Thị Anh	1991	TKV	ĐH	ĐH	Thương mại	Marketing	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
50	Gia Lai	Huyện Krông Pa	TK kinh tế	Nay Hồng	1987	TKV	ĐH	ĐH	Tài chính-Ngân hàng	Thị trường chứng khoán	B1	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
51	Dăk Lăk	PTK Tổng hợp	TK tổng hợp - tài kho	Nguyễn Bùi Ánh Ngọc	1989	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế và quản lý công	Kinh tế và quản lý công	C	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
52	Dăk Lăk	Huyện Cư Kuin	TK kinh tế	Nguyễn Thị Huyền Nhung	1994	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh bất động sản	B1	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
53	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Ta Tài Ngọc Trinh	1996	CV	ĐH	ĐH	Quản lý nhà nước	Thanh tra	B	Chuẩn cơ bản TT 03	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
54	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	Võ Thị Thanh Trang	1994	CV	ĐH	ĐH	Quản lý nhà nước	Quản lý tổ chức và nhân sự	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
55	Đồng Nai	Huyện Vĩnh Cửu	TK kinh tế	Đỗ Thị Thanh Nga	1988	TKV	ĐH	ĐH	Kế toán	Không có bằng điểm	B	A	Thiếu CC Tinh học B - Không có bằng điểm gửi kèm.	
56	Đồng Nai	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	Võ Văn Trọng	1995	CS	CD	ĐH	Quản lý nhà nước	Thanh tra	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
57	Bà Rịa Vũng Tàu	PTK Dân số - Văn xã	TK dân số, văn xã	Nguyễn Mạnh Hùng	1977	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản trị công nghiệp	B1	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	

STT	Cục Thống kê	Phòng/Chi cục	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Năm sinh	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Ngành đào tạo trên bảng theo yêu cầu của vị trí	Chuyên Ngành trên bảng điểm theo yêu cầu của vị trí	Trình độ Tiếng Anh	Trình độ Tin học	Lý do không đủ điều kiện	Ghi chú
58	TP Hồ Chí Minh	Quản Bình Thạnh	TK kinh tế	Trinh Thị Ngọc Thùy	1974	TKV	ĐH	Thsý			B1	Chuẩn cơ bản TT 63	Không nộp bằng và bằng điểm đại học	
59	Long An	PTK Thương mại	TK thương mại	Đỗ Trung Lương	1983	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh	Marketing	C	Khac	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
60	Bến Tre	Huyện Ba Tri	TK kinh tế	Nguyễn Thị Châm	1996	TKV	ĐH	ĐH	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	Kinh tế tài nguyên môi trường	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
61	Trà Vinh	Huyện Càng Long	TK kinh tế	Trần Thị Minh Thư	1985	TKV	ĐH	Thsý			B1	B	Không nộp bằng và bằng điểm đại học	
62	Vĩnh Long	PTK Thương mại	TK gia, dịch vụ, văn	Nguyễn Văn Hiếu	1994	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh	Quản trị du lịch	TOEIC 400 trở lên	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	
63	Sóc Trăng	PTK Nông nghiệp	TK nông nghiệp	Diệp Thị Thảo Lan	1994	TKV	ĐH	Thsý			B	UDCNTT năng cao	Không nộp bằng và bằng điểm đại học	
64	Cà Mau	Huyện Cái Nước	TK xã hội	Lê Minh	1983	TKV	ĐH	ĐH	Quản trị kinh doanh	Du lịch	B	B	Chuyên ngành không phù hợp với vị trí việc làm	

Viết tắt trong biểu:

TKV: Thống kê viên

TKVCĐ: Thống kê viên cao đẳng

ĐH: Đại học

CĐ: Cao đẳng

Thsý: Thạc sỹ

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2019 CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ

(Kèm theo Quyết định số 1028 /QĐ-BKHĐT ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Ngạch đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thi sinh	Diện ưu tiên
1	Quảng Ninh	Huyện Vân Đồn	TK kinh tế	Bà Gia Khánh	Nam	27/8/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
2	Quảng Ninh	Huyện Vân Đồn	TK kinh tế	Vũ Văn Hưng	Nam	1/11/1981	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ	Con đẻ của người bị nhiễm chất độc hóa học
3	Quảng Ninh	Huyện Vân Đồn	TK kinh tế	Trần Cẩm Nhung	Nữ	29/5/1990	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
4	Quảng Ninh	Huyện Vân Đồn	TK kinh tế	Ngô Công Hoàn	Nam	1/7/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
5	Quảng Trị	Huyện Cồn Cỏ	TK kinh tế	Nguyễn Lâm Thành Đạt	Nam	24/5/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
6	Quảng Trị	Huyện Cồn Cỏ	TK kinh tế	Nguyễn Thị Giang Thủy	Nữ	21/3/1983	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
7	Bà Rịa Vũng Tàu	Huyện Côn Đảo	TK kinh tế	Phạm Tấn Phú	Nam	25/10/1976	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
8	Bà Rịa Vũng Tàu	Huyện Côn Đảo	TK kinh tế	Trần Thị Thu Trinh	Nữ	3/9/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
9	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	Phan Bích Tuyền	Nữ	11/12/1988	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
10	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	Trần Minh Trí	Nam	12/6/1992	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
11	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	Trần Ngọc The	Nữ	10/10/1980	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
12	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	Nguyễn Văn Cử	Nam	4/1/1984	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
13	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	Lại Mạnh Tuấn	Nam	25/2/1970	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
14	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	Hoàng Văn Minh	Nam	12/1/1992	Kinh	TKV	ĐH	Thạc sỹ	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nghề đăng ký	Trình độ đăng ký	Trình độ thứ sinh	Điện ưu tiên
15	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	Đào Thị Uyên	Nữ	4/7/1996	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
16	Kiên Giang	Huyện Kiên Hải	TK kinh tế	Trần Thị Bích Trâm	Nữ	27/10/1991	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	
17	Kiên Giang	Huyện Kiên Hải	TK kinh tế	Trần Trung Hiếu	Nam	3/4/1994	Kinh	TKV	ĐH	ĐH	

Viết tắt trong biểu:

TK Thống kê
TKV: Thống kê viên
ĐH: Đại học